

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



# BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TRƯỜNG AN



ATA JSC

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4100577172 do Sở KHĐT tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2007, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 03 tháng 09 năm 2015)

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM

(Quyết định đăng ký niêm yết số: .../SGD...- QĐ do.....cấp ngày ... tháng. . . năm ... )

**Bản cáo bạch này và các tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:**

**Công ty Cổ Phần An Trường An**

Địa chỉ: 347 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (84.056) 3812606 Fax: (84.056) 3824806

Website: [www.atajsc.com](http://www.atajsc.com)

**Phụ trách công bố thông tin:**

Ông: Trương Đình Xuân

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: 347 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (056) 3812606 Fax: (056) 3824806

**Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín**

Địa chỉ: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM

Điện thoại: (84.8) 62686868 Fax: (84.8) 62555939

Website: [www.sbsc.com.vn](http://www.sbsc.com.vn)



# CÔNG TY CỔ PHẦN AN TRƯỜNG AN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4100577172 do Sở KHĐT tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2007, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 03 tháng 09 năm 2015)



ATA JSC

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TPHCM

**Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ Phần An Trường An

**Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

**Mã cổ phiếu:** ATG

**Mệnh giá:** 10.000 VNĐ/cổ phiếu

**Tổng số lượng niêm yết:** 15.220.000 cổ phiếu

**Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá):** 152.200.000.000 (Một trăm năm mươi hai tỷ hai trăm triệu) VNĐ

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

**Địa chỉ:** 29 Võ Thị Sáu, P.Dakao, Q.1, TPHCM

**Điện thoại:** (84.8) 38205944 – **Fax:** (84.8) 38205942

**Website:** [www.aascs.com.vn](http://www.aascs.com.vn)

### TỔ CHỨC TƯ VẤN:



**CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (SACOMBANK-SBS)**

**Địa chỉ:** 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

**Điện thoại:** (84.8) 62686868 – **Fax:** (84.8) 62555939

**Website:** [www.sbcs.com.vn](http://www.sbcs.com.vn)

99 -  
GIÁ  
CHỨNG  
KHÓA  
CH  
TP.



## MỤC LỤC

<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>6</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	8
3. Rủi ro đặc thù ngành khai thác khoáng sản.....	8
4. Rủi ro khác.....	9
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BÁO CÁO BẠCH .....</b>	<b>10</b>
1. Tổ chức niêm yết.....	10
2. Tổ chức tư vấn.....	10
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>11</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....</b>	<b>13</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....	13
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	18
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty .....	19
4. Danh sách và cơ cấu cổ đông của Công ty.....	23
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết: .....	24
6. Hoạt động kinh doanh.....	25
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	44
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong Công ty ngành .....	46
9. Chính sách đối với người lao động .....	50
10. Chính sách cổ tức.....	52
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	53
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng .....	58
13. Tài sản.....	68
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo .....	69
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	75
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	75
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	75
<b>V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....</b>	<b>76</b>
1. Loại cổ phiếu.....	76
2. Mệnh giá .....	76
3. Tổng số chứng khoán niêm yết .....	76
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật .....	76



5. Giá niêm yết dự kiến.....	77
6. Phương pháp tính giá .....	77
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....	79
8. Các loại thuế có liên quan.....	79
<b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....</b>	<b>81</b>
1. Tổ chức tư vấn.....	81
2. Tổ chức kiểm toán.....	81
<b>VII. PHỤ LỤC.....</b>	<b>82</b>



## MỤC LỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông sáng lập.....	23
Bảng 2: Danh sách cổ đông lớn của Công ty.....	24
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông.....	24
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của Công ty.....	37
Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty.....	37
Bảng 6: Cơ cấu chi phí sản xuất và tỷ lệ chi phí/doanh thu.....	40
Bảng 7: Danh sách hợp đồng lớn đã ký kết.....	42
Bảng 8: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	44
Bảng 9: Bảng so sánh các doanh nghiệp cùng ngành.....	48
Bảng 10: Cơ cấu lao động của Công ty.....	50
Bảng 11: Thời gian trích khấu hao tài sản.....	53
Bảng 12: Các khoản phải nộp theo luật định.....	54
Bảng 13: Tình hình dư nợ vay.....	54
Bảng 14: Các khoản phải thu.....	55
Bảng 15: Các khoản phải trả.....	56
Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính.....	57
Bảng 17: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2015.....	68
Bảng 18: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 30/06/2016.....	68
Bảng 19: Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty cho giai đoạn 2016-2017.....	69
Bảng 20: Doanh thu - Lợi nhuận dự kiến từ các Dự án.....	70
Bảng 21: Danh sách cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng.....	76
Bảng 22: Bảng so sánh chỉ số PE, PB.....	77
Bảng 23: Bảng tính giá cổ phiếu.....	79



## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Tác động của tất cả các nhân tố kinh tế vĩ mô như: tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ đều có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### - Tăng trưởng kinh tế

- Tốc độ phát triển kinh tế sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nhu cầu sử dụng nguyên liệu khoáng sản của các ngành công nghiệp như công nghiệp điện, công nghiệp chế tạo máy, công nghiệp luyện kim... Các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ cả ở trong nước và xuất khẩu nên bất kỳ sự biến động nào của kinh tế trong nước cũng như khu vực và thế giới đều ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kinh tế Việt Nam trong những năm trước đây đều đạt tốc độ tăng trưởng tương đối cao, vào khoảng trên 7% từ năm 2003 đến năm 2007. Tuy nhiên, từ năm 2008, sau khi diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tốc độ tăng trưởng đã suy giảm chỉ còn 6,23% và đến năm 2012 là 5,03%. Trong những giai đoạn kinh tế vĩ mô thăng trầm như vậy thì hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp luôn có những biến động tăng giảm tương ứng. Trong năm 2013, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam là 5,42%, có bước tăng trưởng cao hơn so với năm 2012. Và bước sang năm 2014, tốc độ tăng trưởng GDP đã đạt con số 5,98%, đây cũng là năm đầu tiên từ 2011 mà chỉ tiêu này không chỉ về đích mà còn vượt kế hoạch đề ra của Chính phủ. Đặc biệt, năm 2015, dựa trên đà hồi phục của nền kinh tế trong những năm gần đây, Chính phủ đã mạnh dạn đề ra kế hoạch tăng trưởng là 6,2%; và cuối năm 2015 đã ghi nhận mức tăng trưởng kinh tế rất ấn tượng là 6,68%.

#### - Lạm phát

- Các rủi ro của doanh nghiệp thường gắn liền với lạm phát của nền kinh tế. Trong quá trình phát triển kinh tế 20 năm trở lại đây, lạm phát của Việt Nam đã có những diễn biến tăng giảm khá bất ngờ với biên độ rộng. Điều này gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động của toàn bộ doanh nghiệp, do giá đầu vào thường xuyên biến động trong khi giá đầu ra chưa thể thay đổi kịp thời.
- Trong giai đoạn từ 2004 đến 2011 được xem là thời kỳ lạm phát cao, lặp đi lặp lại, cứ 2 năm tăng cao thì có 1 năm tăng thấp hơn, ảnh hưởng lớn đến hoạt động của doanh nghiệp.

Năm 2004, tỷ lệ lạm phát là tăng 9,5% so với năm trước, năm 2005 tăng 8,4%, năm 2006 tăng 6,6%. Liên sau đó, năm 2007 tăng 12,63%, năm 2008 tăng 19,89%, năm 2009 chỉ còn tăng 6,52%. Và tiếp tục tăng mạnh trở lại vào hai năm tiếp theo là 2010 và 2011 tương ứng tỷ lệ là 11,75% và 18,13%. Cho đến gần đây thì đã suy giảm nhiều qua từng năm, cụ thể, năm 2012 còn 6,81%, năm 2013 là 6,04% và năm 2014 chỉ còn tăng 4,09%. Đặc biệt, năm 2015 thì chỉ số lạm phát chỉ tăng 0,63% so với năm 2014; đây là con số thấp nhất trong vòng 15 năm trở lại đây.



- Việc lạm phát tăng trưởng chậm lại, duy trì ở mức thấp sẽ giúp cho nền kinh tế ổn định đồng nghĩa với việc giúp cho doanh nghiệp có thể kiểm soát chi phí sản xuất tốt hơn và chủ động hơn trong điều chỉnh chính sách hoạt động kinh doanh của mình, bên cạnh đó, lạm phát thấp còn giúp Chính phủ có thể triển khai nhiều chính sách tiền tệ thông thoáng hơn, giúp doanh nghiệp có thể tiếp cận được nhiều nguồn vốn với chi phí phù hợp.
  - Để hạn chế bớt rủi ro lên hoạt động kinh doanh, Công ty chú trọng cải tiến hệ thống quản trị, nâng cao năng lực hoạt động, cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm tăng cường vị thế của mình trên thị trường.
- **Lãi suất**
- Rủi ro về lãi suất sẽ xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu và thực hiện vay vốn, chủ yếu là vay qua các ngân hàng thương mại. Trong thời gian vừa qua, từ năm 2010 đến nay, lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều chính sách ban hành trong bối cảnh lạm phát tăng cao như: thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không ít đến hoạt động của toàn bộ các doanh nghiệp.
  - Kể từ năm 2013 đến nay, Ngân hàng nhà nước đã nhiều lần điều chỉnh giảm lãi suất huy động và cho vay. Điều này đã giúp cho doanh nghiệp có vay vốn giảm được áp lực trả nợ vay ngân hàng, giảm chi phí tài chính, gia tăng lợi nhuận cũng như năng lực cạnh tranh cho mình.
  - Hiện tại, tỷ lệ vay nợ của Công ty so với tổng tài sản chiếm tỷ lệ nhỏ nên biến động lãi suất ảnh hưởng không lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- **Tỷ giá hối đoái**
- Rủi ro tỷ giá là rủi ro phát sinh do sự biến động tỷ giá làm ảnh hưởng đến giá trị kỳ vọng trong tương lai. Về cơ bản rủi ro tỷ giá phát sinh trong 3 hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp là hoạt động đầu tư, hoạt động xuất nhập khẩu và hoạt động tín dụng.
  - Tỷ giá đồng Việt Nam so với các ngoại tệ, đặc biệt là Đô la Mỹ, trong các năm qua có nhiều biến động đã ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng ngoại tệ trong hoạt động kinh doanh của mình. Tuy nhiên, từ năm 2012, với định hướng điều hành tỷ giá ổn định, Ngân hàng Nhà nước đã quản lý chặt chẽ hoạt động mua bán ngoại tệ của các Ngân hàng thương mại, đồng thời gia tăng dự trữ ngoại hối để có nguồn xử lý trong trường hợp thị trường có những biến động quá lớn. Đến cuối năm 2015, nếu tính thêm các khoản khác như vàng, ngoại tệ của Kho bạc nhà nước và tổ chức tín dụng gửi tại Ngân hàng nhà nước thì dự trữ ngoại tệ của Việt Nam đã đạt mức kỷ lục với con số khoảng 40 tỷ Đô la Mỹ.
  - Hiện tại, hoạt động xuất khẩu hàng hoá cũng như nhập khẩu máy móc thiết bị cho đầu tư mới của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của rủi ro do biến động tỷ giá. Bất kỳ sự biến động lớn nào về tỷ giá cũng sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ.



## 2. Rủi ro về luật pháp

- Với tư cách là công ty niêm yết, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty. Các văn bản dưới luật trong những lĩnh vực này hiện vẫn đang trong quá trình tiếp tục được hoàn thiện. Do vậy, việc thực thi và sự ổn định của hệ thống các văn bản pháp lý này sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ngoài ra, hoạt động khai thác khoáng sản cũng chịu tác động rất lớn của các quy định đặc thù liên quan đến tài nguyên khoáng sản. Vì khoáng sản là tài nguyên quốc gia nên Luật Khoáng sản đưa ra những quy định nhằm quản lý chặt chẽ việc khai thác và chế biến khoáng sản để tránh lãng phí trong khai thác, tăng hiệu quả khai thác, chế biến và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, những quy định này đôi khi cũng gây những khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc xin cấp phép khai thác mỏ. Trước khi xin giấy phép, doanh nghiệp phải thực hiện thăm dò để ra được báo cáo trữ lượng. Trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp phép khai thác, doanh nghiệp sẽ bị hao tổn một khoản chi phí nhất định đối với công tác này.
- Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của Pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước... từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

## 3. Rủi ro đặc thù ngành khai thác khoáng sản

- **Rủi ro về khai thác**
  - Một đặc thù của ngành khoáng sản là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần phải thực hiện thăm dò trữ lượng, chất lượng của mỏ. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí, nhiều thời gian, nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi (mỏ nằm quá sâu)... khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lí do kinh tế – kĩ thuật thì rủi ro chi phí chìm sẽ là rất lớn.
  - Ngoài ra, do đặc điểm của ngành, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn bởi những thay đổi của điều kiện tự nhiên – điều này nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty. Biến động về thời tiết mưa gió, bão, lũ lụt có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ví dụ vào mùa mưa sản lượng khai thác sẽ thấp hơn so với mùa khô do việc khai thác gặp nhiều khó khăn.
  - Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường như sức ép bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. Xu hướng thu các khoản phí bảo vệ môi trường, phí nước thải công nghiệp, tiền thuê đất khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên ngày càng cao cũng sẽ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- **Rủi ro về giấy phép khai thác**
  - Thời hạn khai thác mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra, nếu hoạt động khai thác mỏ của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được





gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút hoặc không cho phép gia hạn giấy phép khai thác mỏ đối với Công ty là không nhiều do năng lực và chất lượng khai thác của Công ty hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn.

- Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro luôn được ban lãnh đạo Công ty tính đến trong các phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Rủi ro về thị trường tiêu thụ**

- Sự phát triển của nền kinh tế thế giới, trong đó có cả Việt Nam, tạo ra sức cầu quan trọng đối với ngành khoáng sản. Giá bán nhiều loại khoáng sản hiện cũng phụ thuộc vào mặt bằng giá thế giới. Điều đó cũng đồng nghĩa rằng nếu như nền kinh tế toàn cầu suy thoái, sức cầu suy giảm sẽ dẫn đến giá bán nhiều loại khoáng sản giảm sút sẽ là những rủi ro rất lớn mà các doanh nghiệp trong ngành phải đối mặt. Trong đó, thị trường Trung Quốc – đối tác nhập khẩu đến 65% các loại quặng khoáng sản của Việt Nam – là thị trường trọng tâm. Nếu như nền kinh tế Trung Quốc có biến động, hoặc chính sách của chính phủ Trung Quốc đối với việc xuất nhập khẩu các mặt hàng này thay đổi thì ảnh hưởng của nó đến đầu ra của ngành khoáng sản Việt Nam sẽ là không nhỏ.

**4. Rủi ro khác**

- Ngoài ra, còn có các rủi ro như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, hỏa hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

99  
G  
VN  
HAI  
C  
TP



## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết

Ông **Trương Đình Xuân** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Bà **Phan Thị Cẩm Tú** Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông **Lê Đình Kính** Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn

Đại diện: Ông **Trần Minh Trung**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

*(theo Giấy uỷ quyền số 02/2016/QĐUQ-TGD ngày 15/04/2016 của Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng Khoán Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín)*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Sacombank-SBS tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ Phần An Trường An. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ Phần An Trường An cung cấp.



### III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần An Trường An
- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán và Kiểm Toán Miền Nam (AASCs) – Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 và 2015 của Công ty Cổ Phần An Trường An.
- Bản cáo bạch: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
- Điều lệ: Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ động của Công ty Cổ Phần An Trường An thông qua.
- Vốn điều lệ: Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ Phần An Trường An.
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu: Chứng chỉ do Công ty Cổ Phần An Trường An phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty.
- Người có liên quan: Là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
- a) Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
  - b) Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
  - c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
  - d) Người quản lý doanh nghiệp;
  - đ) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
  - e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này;
  - g) Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
  - h) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.



Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 15/09/2012, Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01/09/2015 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

**Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:**

Công ty	Công ty Cổ Phần An Trường An
ATG	Công ty Cổ Phần An Trường An
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
Sacombank-SBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
NHNN	Ngân Hàng Nhà Nước
CBNV	Cán bộ nhân viên
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
TTLKCK	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
PCT	Phó Chủ tịch
TGD	Tổng giám đốc
PTGD	Phó Tổng giám đốc
BKS	Ban Kiểm Soát
BCTC	Báo cáo tài chính
GDP	Tổng thu nhập quốc dân
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
CTCP	Công ty cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
VĐL	Vốn điều lệ
VNĐ	Đồng Việt Nam
DT	Doanh thu
LNG	Lợi nhuận gộp
VCSH	Vốn chủ sở hữu

MOI N O G / 7/



#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

###### 1.1 Giới thiệu chung về Công ty Cổ Phần An Trường An

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN AN TRƯỜNG AN
- Tên tiếng anh : An Truong An Joint Stock Company
- Trụ sở chính : 347 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Điện thoại : (056) 3812606
- Fax : (056) 3824806
- Email : xuanata@yahoo.com.vn
- Website : [www.atajsc.com](http://www.atajsc.com)
- Logo :



ATA JSC

- Giấy CNĐKKD : số 4100577172 do Sở KHĐT tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2007, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 03 tháng 09 năm 2015
- Vốn điều lệ : 152.200.000.000 (Một trăm năm mươi hai tỷ hai trăm triệu) đồng
- Ngành nghề, kinh doanh:
  - Khai thác quặng sắt và quặng kim loại khác không chứa sắt;
  - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
  - Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
  - Chế biến sâu các sản phẩm từ quặng titan, quặng sắt;
  - Casting tạo dáng và hoàn thiện đá;
  - Bán mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
  - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
  - Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng xe máy khác;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải;
  - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống;
  - Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng nhà các loại;
  - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, kinh doanh dịch vụ du lịch ;
  - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
  - Bán buôn thực phẩm;
  - Kinh doanh bất động sản, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.



## 1.2 Lịch sử hình thành và phát triển

### Các cột mốc hình thành và phát triển

2005	<p>Công ty cổ phần An Trường An hiện nay, tiền thân là Công ty TNHH An Trường An. Công ty được thành lập ngày 21 tháng 9 năm 2005 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 3502000611 được Sở Kế Hoạch &amp; Đầu Tư tỉnh Bình Định cấp với số vốn ban đầu là 3 tỷ đồng.</p> <p>Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu ô tô, xe gắn máy hai bánh và phụ tùng, Khai thác chế biến đá Granite, Titan và quặng đa kim loại...</p>
08/2007	<p>Để mở rộng sản xuất kinh doanh Công ty quyết định chuyển đổi loại hình Công ty từ TNHH thành Công ty cổ phần, với số vốn tăng lên 12 tỷ đồng. Nhằm huy động nguồn lực về vốn để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh. Trước mắt tập trung đủ vốn để triển khai đầu tư máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất khai thác khoáng sản titan theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 124/GP-UBND ngày 08/8/2006 của UBND tỉnh Bình Định tại mỏ titan xã Nhơn Lý và Giấy phép số: 1343/BQL-QHXD ngày 12/10/2007 của Ban quản lý Khu kinh tế Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.</p> <p>Qua khai thác từ năm 2007 đến 2008 đạt sản lượng 30.000 tấn titan thô.</p>
12/2008	<p>Công ty được UBND tỉnh Bình Định cấp phép đầu tư khai thác khoáng sản titan theo Giấy phép số: 74/GP-UBND ngày 17/12/2008 tại mỏ titan (Khu phi thuế quan), thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, TP Quy Nhơn.</p> <p>Sản lượng khai thác 10.500 tấn.</p>
02/2009	<p>Sau khi hoàn thành việc khai thác titan tại Mỏ Nhơn Hội. Để tiếp tục sử dụng máy móc, thiết bị hiện có và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm cho công nhân, Công ty được UBND tỉnh Bình Định cấp giấy phép khai thác khoáng sản titan số: 10/GP-UBND ngày 17/02/2009 tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Với thời hạn khai thác 03 năm 2009 – 2012 (trừ thời gian xây dựng cơ bản). Đây là mỏ titan có trữ lượng tương đối lớn với diện tích 10ha.</p> <p>Công ty đã đầu tư khai thác tại mỏ này đạt sản lượng 40.000 tấn.</p>
07/2009	<p>Với thành quả đạt được trong sản xuất kinh doanh của những năm trước Công ty quyết định tăng thêm vốn điều lệ từ 12 tỷ lên 13,2 tỷ đồng.</p>
2010-2011	<p>Đi đôi với việc khai thác khoáng sản titan tại Bình Định, công ty xúc tiến việc liên kết với Tổng Công ty đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) lập thủ tục theo qui định của Luật Khoáng sản để xin khai thác mỏ titan Sơn Mỹ với diện tích 156,7ha, thuộc Khu</p>



	<p>công nghiệp Sơn Mỹ I, xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.</p> <p>Đến cuối năm 2011 các thủ tục theo qui định cơ bản đã hoàn thành.</p>
2012	<p>Ngày 09/01/2012, Thủ tướng Chính phủ có Chi thị số 02/CT-TTg về việc tạm dừng khai thác khoáng sản titan, nên việc khai thác khoáng sản titan của công ty cũng bị tạm dừng tại thời điểm đó. Do đó, doanh thu từ hoạt động khai khoáng bị giảm sút nghiêm trọng.</p> <p>Để có thể tiếp tục hoạt động và duy trì bộ máy nhân sự của Công ty, Công ty đã chuyển hướng từ khai thác titan sang tập trung khai thác Cát xây dựng tại mỏ Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định bằng thoả thuận hợp tác với Công ty TNHH KS – TM My Xuân theo Giấy phép khai thác số: 07/GP-UBND ngày 29/01/2008 do UBND tỉnh Bình Định cấp.</p> <p>Đồng thời hợp tác lập thủ tục xin khai thác đá xây dựng thông thường tại mỏ đá Phước An, huyện Tuy Phước với Công ty TNHH Phước An.</p>
2014	<p>Năm 2014, tất cả các thủ tục về khai thác mỏ đá Phước An với diện tích 36 ha thời hạn khai thác 23 năm, trữ lượng 8,5 triệu m<sup>3</sup> đã được UBND tỉnh Bình Định cấp phép khai thác.</p>
05/2015	<p>Để có nguồn vốn đầu tư cho Dự án Khu du lịch sinh thái Nghi dưỡng và dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí Thủy Sơn Trang tại phường Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Công ty quyết định huy động vốn cổ phần từ các cổ đông hiện hữu của Công ty, nhằm tăng vốn từ 13,2 lên 88,2 tỷ đồng và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định chấp thuận tại Giấy Chứng Nhận ĐKKD số: 4100577172 ngày 25/05/2015.</p>
09/2015	<p>Song song với việc bổ sung vốn đầu tư cho Dự án Thủy Sơn Trang, để có nguồn vốn đầu tư cho việc khai thác titan tại Khu Công Nghiệp Sơn Mỹ I bao gồm tiền đền bù cho dân, nộp tiền giành quyền khai thác, ký quỹ phục hồi môi trường, đầu tư dây chuyền máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất, khai thác, chế biến và cơ sở hạ tầng điện, đường, nhà, xưởng,... Công ty quyết định tiếp tục huy động vốn từ các cổ đông hiện hữu, Công ty đã tiến hành tăng vốn từ 88,2 lên 152,2 tỷ đồng và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định chấp thuận tại Giấy Chứng Nhận ĐKKD số: 4100577172 ngày 03/9/2015.</p>
03/2016	<p>CTCP An Trường An chính thức trở thành công ty đại chúng</p>



Toàn bộ quá trình hoạt động của Công ty cho đến hiện tại có thể chia thành 3 giai đoạn chính như sau:

- **Giai đoạn từ khi thành lập đến giữa năm 2012:** là giai đoạn ‘cực thịnh’ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh khoáng sản của Công ty. Công ty là một trong những công ty mạnh về khai thác và kinh doanh khoáng sản titan tại Việt Nam.
- **Giai đoạn từ nửa cuối năm 2012 đến năm 2014:** được xem là giai đoạn không tăng trưởng của Công ty vì ngành nghề kinh doanh chính đã không còn thuận lợi do các yếu tố khách quan. Công ty đã cố gắng bằng mọi phương thức để duy trì hoạt động của Công ty, duy trì bộ máy nhân sự cấp cao, duy trì hệ thống công nhân lành nghề và đã gắn bó lâu năm với Công ty nhằm hướng tới tương lai. Đây được xem như giai đoạn chuyển tiếp để Công ty tiếp tục phát triển lớn mạnh và bền vững trong những năm tiếp theo.
- **Giai đoạn từ đầu năm 2015 đến tương lai:** được xem là giai đoạn hoạch định lại chiến lược sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện trọn vẹn các dự án đã và đang triển khai dở dang, đặc biệt chú trọng việc đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng bình quân của Công ty từ hai con số trở lên.





### 1.3 Quá trình tăng vốn

- Tháng 08/2007 chuyển đổi từ Công ty TNHH An Trường An thành CTCP An Trường An với vốn điều lệ là 12 tỷ đồng:

- Mệnh giá cổ phiếu	: 1.000.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu	: 12.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông	: 7 cổ đông

- **Tăng vốn lần đầu: từ 12 tỷ lên 13,2 tỷ đồng:**

- Thời điểm phát hành	: tháng 07 năm 2009
- Phương thức phát hành	: chào bán riêng lẻ
- Vốn điều lệ trước phát hành	: 12.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành	: 13.200.000.000 đồng
- Mệnh giá	: 1.000.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu phát hành	: 1.200 cổ phiếu
- Giá phát hành	: 1.000.000 đồng/cổ phiếu
- Đối tượng phát hành:	
Ông Đào Minh Tùng	: 1.000 cổ phần
Ông Phạm Hồng Khánh	: 200 cổ phần

- **Tăng vốn lần thứ 2: từ 13,2 tỷ lên 88,2 tỷ đồng:**

- Thời điểm phát hành	: tháng 05 năm 2015
- Đối tượng phát hành	: phát hành cho Cổ đông hiện hữu
- Vốn điều lệ trước phát hành	: 13.200.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành	: 88.200.000.000 đồng
- Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu phát hành	: 7.500.000 cổ phiếu
- Giá phát hành	: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước phát hành	: 6 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành	: 6 cổ đông

- **Tăng vốn lần thứ 3: từ 88,2 tỷ lên 152,2 tỷ đồng:**

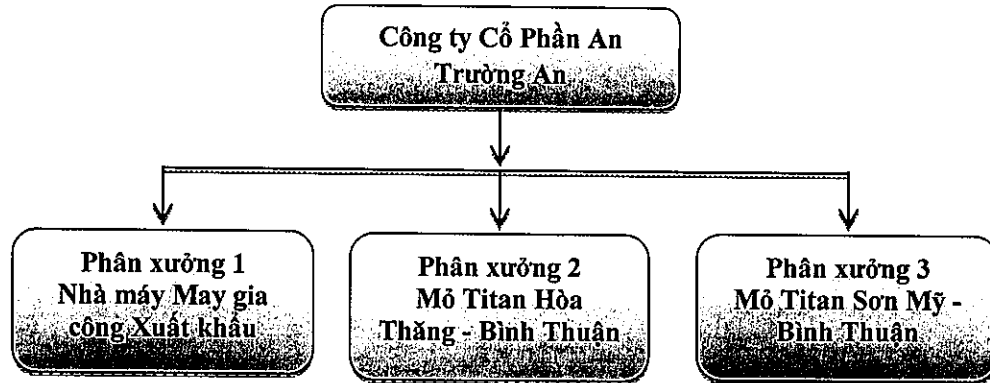
- Thời điểm phát hành	: tháng 09 năm 2015
- Đối tượng phát hành	: phát hành cho Cổ đông hiện hữu
- Vốn điều lệ trước phát hành	: 88.200.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành	: 152.200.000.000 đồng
- Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu phát hành	: 6.400.000 cổ phiếu
- Giá phát hành	: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước phát hành	: 6 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành	: 6 cổ đông



## 2. Cơ cấu tổ chức công ty

Tính đến thời điểm 31/03/2016, ngoài trụ sở chính đặt tại 347 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Công ty còn có 02 phân xưởng khai thác và sản xuất titan, 01 phân xưởng may gia công xuất khẩu. Sơ đồ tổ chức của Công ty như sau:

*Hình 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty*

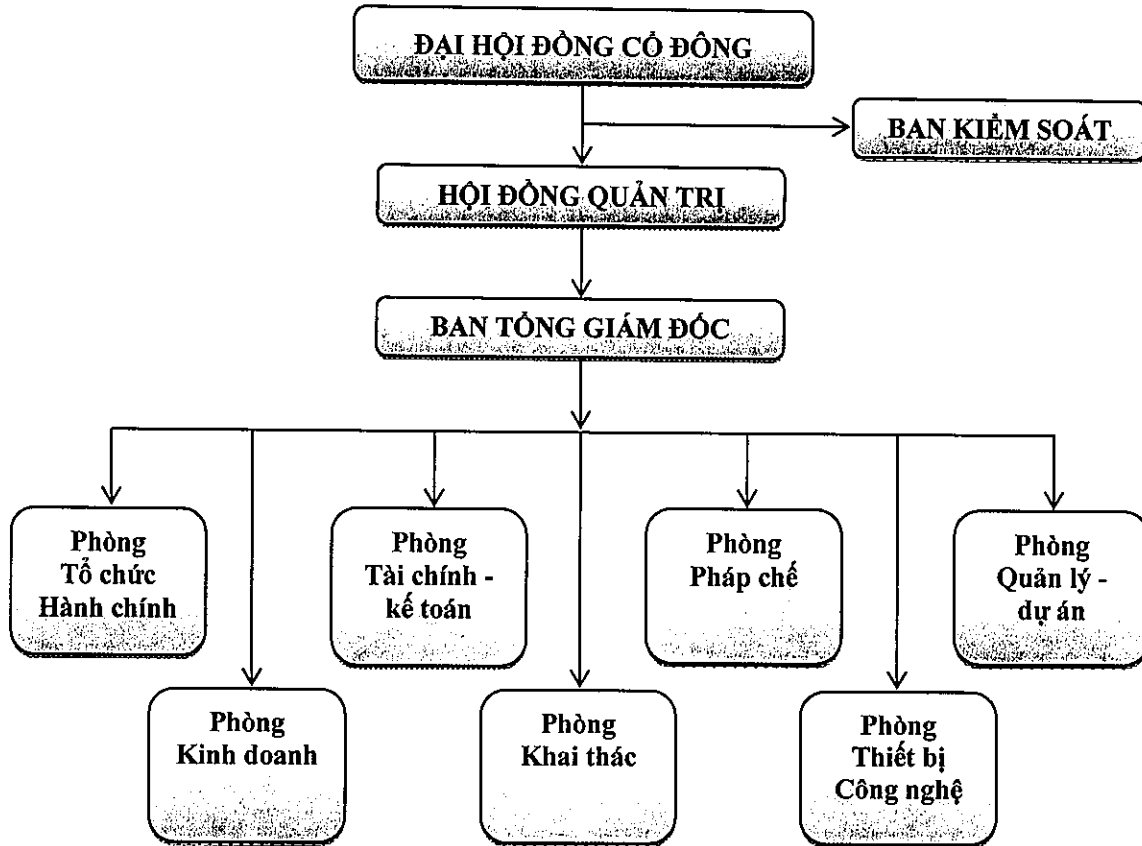


- Trụ sở chính của Công ty:
  - Địa chỉ: 347 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Phân xưởng 1:
  - Địa chỉ: cụm công nghiệp Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
- Phân xưởng 2:
  - Địa chỉ: xã Hoà Thăng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận
- Phân xưởng 3:
  - Địa chỉ: Khu công nghiệp Sơn Mỹ, xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận



### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hình 2: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty:

#### Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có thẩm quyền quyết định các vấn đề:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm giám đốc điều hành;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Các thẩm quyền khác theo Điều lệ Công ty.



### Hội đồng quản trị:

HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra bao gồm 05 (năm) thành viên. HĐQT thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ. Các hoạt động kinh doanh của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Quyền và nhiệm vụ của HĐQT bao gồm nhưng không giới hạn các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách mỗi năm;
- Bổ nhiệm và miễn nhiệm các cán bộ quản lý Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành, tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại và đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Các nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

### Ban kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ, do ĐHCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc.

Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

### Ban Tổng giám đốc:

Ban TGD của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều



hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phó TGD là người hỗ trợ cho TGD và chịu trách nhiệm trước TGD về những công việc được phân công, ủy quyền, và thuộc trách nhiệm quyền hạn theo đúng quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.

#### **Phòng tổ chức hành chính:**

Phòng Tổ chức Hành chính là bộ phận có chức năng lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, triển khai thực hiện phát triển nguồn nhân lực của Công ty đảm bảo kịp thời, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty; tổ chức xây dựng và duy trì ổn định các nội quy, quy chế hoạt động của Công ty với một số nội dung cụ thể sau:

- Thực hiện các chính sách tiền lương và chính sách đào tạo lao động;
- Đánh giá kết quả công việc của nhân viên;
- Giám sát việc thực thi các chính sách và nội quy lao động;
- Hỗ trợ các phòng ban trong các công việc hậu cần;
- Mua sắm thiết bị, dụng cụ, công cụ văn phòng;
- Quản lý phương tiện vận chuyển và phương tiện chuyên chở;
- Quản lý tài sản, thiết bị văn phòng, hạ tầng cơ sở;
- Tổ chức và thực hiện các hoạt động phong trào;
- Lưu trữ thông tin nội bộ.

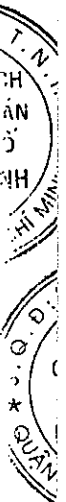
#### **Phòng tài chính – kế toán:**

Phòng tài chính – kế toán có nhiệm vụ quản lý công tác tài chính, bao gồm lựa chọn việc quản lý huy động, sử dụng các nguồn vốn, quản lý các hoạt động đầu tư và quản lý tài sản tiền mặt; quản lý công tác kế toán, bao gồm kế toán thuế theo pháp luật về thuế và chuẩn mực kế toán Việt Nam, kế toán quản trị theo hệ thống quản lý của Công ty; quản lý công tác thống kê, bao gồm: tổ chức thu thập, xử lý và cung cấp thông tin, lưu giữ các dữ liệu hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh; tổ chức và quản lý công tác kiểm toán nội bộ.

#### **Phòng pháp chế:**

Phòng pháp chế thực hiện tham mưu, đề xuất hướng xử lý các vấn đề có sự tác động hữu quan đến mọi hoạt động của Công ty cho HĐQT và ban TGD bằng cơ chế chính sách pháp luật hiện hành. Ngoài ra phòng pháp chế còn có chức năng và nhiệm vụ:

- Thẩm định và xây dựng các văn bản lập quy có liên quan đến công tác quản trị và điều hành;
- Quản lý toàn bộ hệ thống văn bản pháp lý có liên quan đến Công ty;





- Triển khai và thực hiện các văn bản pháp lý, văn bản định chế và hợp đồng;
- Tư vấn pháp lý có liên quan đến mọi hoạt động nội bộ của Công ty.

#### **Phòng quản lý dự án:**

Phòng Quản lý dự án có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về các dự án đang thực hiện và sẽ triển khai;
- Tìm kiếm, phân tích, đánh giá, lập hồ sơ thầu các dự án và tham gia tìm kiếm, đầu tư các dự án khả thi.
- Quản lý, theo dõi và đánh giá hoạt động của các dự án đang triển khai thi công của Công ty.

#### **Phòng kinh doanh:** có nhiệm vụ

- Nghiên cứu, xây dựng và hoạch định các chiến lược và kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh thương mại;
- Tìm kiếm mở rộng thị trường nhằm phát triển kinh doanh thương mại các mặt hàng của Công ty;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc xây dựng và ban hành các quy định nội bộ về kinh doanh thương mại.

#### **Phòng khai thác:**

Phòng khai thác thực hiện các chức năng khai thác khoáng sản theo các hợp đồng kinh tế mà Công ty đã ký kết.

#### **Phòng thiết bị công nghệ:**

Phòng thiết bị công nghệ có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu, cải tiến, phát triển công nghệ, thiết bị hiện có;
- Tìm kiếm, nghiên cứu, ứng dụng và đầu tư những thiết bị và công nghệ mới trong nước và nước ngoài vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Xây dựng hướng dẫn và triển khai áp dụng các quy trình đầu tư, quy chế quản lý thiết bị, vật tư;
- Xây dựng kế hoạch đầu tư thiết bị, công nhân kỹ thuật, vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị, vật tư;
- Đào tạo, tuyển dụng thợ kỹ thuật;
- Thực hiện công tác báo cáo, kiểm kê định kỳ về sử dụng thiết bị, vật tư.



#### 4. Danh sách và cơ cấu cổ đông của Công ty

##### 4.1 Cổ đông sáng lập

Tại thời điểm ngày 17/09/2010, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ của Công ty Cổ Phần An Trường An theo Giấy CNĐKKD số 4100577172 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 17 tháng 09 năm 2010 như sau:

*Bảng 1: Danh sách cổ đông sáng lập*

STT	Tên cổ đông	Số CMND	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Gia trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Trương Đình Xuân	211542631	04 Đào Duy Từ, Quy Nhơn, Bình Định	5.000	5.000	37,88%
2	Trần Thị Xuân Mai	211542630	04 Đào Duy Từ, Quy Nhơn, Bình Định	4.000	4.000	30,30%
3	Trương Ngọc Thanh	2116877054	04 Đào Duy Từ, Quy Nhơn, Bình Định	1.500	1.500	11,36%
4	Trương Thị Thảo Nguyên	211656387	04 Đào Duy Từ, Quy Nhơn, Bình Định	500	500	3,79%
5	Trương Thị Ái Trúc	211707404	04 Đào Duy Từ, Quy Nhơn, Bình Định	300	300	2,27%
6	Nguyễn Thị Phương Lan	211831903	661 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định	500	500	3,79%
7	Phạm Hồng Khánh	211758671	353 Bạch Đằng, Quy Nhơn, Bình Định	400	400	3,03%
8	Đào Minh Tùng	211475381	347 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định	1.000	1.000	7,58%
	<b>Tổng cộng</b>			<b>13.200</b>	<b>13.200</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Công ty Cổ Phần An Trường An*

Hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 không còn áp dụng do đã qua thời gian 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh lần đầu (01/08/2007).



## 4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty tại thời điểm 07/05/2016

Bảng 2: Danh sách cổ đông lớn của Công ty

STT	Tên cổ đông	Số CMND	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Trương Đình Xuân	211542631	Số 04 Đào Duy Từ, TP. Quy Nhơn, Bình Định	2.457.279	16,15%
2	Trần Thị Mai Xuân	211542630	Số 04 Đào Duy Từ, TP. Quy Nhơn, Bình Định	2.353.121	15,46%
3	Trương Ngọc Thanh	211687054	Số 04 Đào Duy Từ, TP. Quy Nhơn, Bình Định	882.546	5,80%

Nguồn: Công ty Cổ Phần An Trường An

## 4.3 Cơ cấu cổ đông tại ngày 07/05/2016

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>314</b>	<b>15.220.000</b>	<b>100%</b>
1	Cá nhân	314	15.220.000	100%
2	Tổ chức	-	-	-
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>314</b>	<b>15.220.000</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Công ty Cổ Phần An Trường An

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

5.1 Công ty mẹ: không có

5.2 Công ty con: không có

5.3 Công ty liên kết: không có





## 6. Hoạt động kinh doanh

### 6.1 Ngành nghề sản xuất chính của Công ty

- Ngành nghề kinh doanh chính: “*Khai thác khoáng sản: Titanium, đá xây dựng, cát xây dựng, đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, kinh doanh v<sup>□</sup> dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, xe gắn máy hai bánh và nhà hàng tiệc cưới*□

Kể từ khi thành lập cho đến năm 2012, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai khoáng. Công ty là một trong những đơn vị khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản lớn tại tỉnh Bình Định nói riêng và cả nước nói chung.

Tuy nhiên, từ năm 2012 đến năm 2015 do có sự thay đổi về chính sách của Nhà nước trong khai thác khoáng sản, mặt khác do suy thoái kinh tế thế giới nên giá cả của tất cả các loại khoáng sản đều giảm sút đáng kể, thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc khai thác và tiêu thụ bị đình đốn, dẫn đến doanh thu từ hoạt động khai khoáng giảm sút đáng kể.

Năm 2016, với sự phục hồi kinh tế thế giới và sự khởi sắc của kinh tế Việt Nam, cộng với cơ chế chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của Nhà nước có nhiều thông thoáng thuận lợi nên việc tổ chức khai thác, chế biến và xuất khẩu khoáng sản nói chung và titan nói riêng đã và đang phục hồi, có nhiều triển vọng với mức tăng giá bán từ 2 triệu đồng/tấn titan thô đầu năm 2016 thì đến tháng 6/2016 đã tăng lên 2,7 triệu đồng/tấn. Do đó, Công ty đã và đang chuẩn bị mọi điều kiện để tiếp tục đầu tư khai thác mỏ titan, mỏ đá và mỏ cát phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu là định hướng đúng đắn nhằm đưa Công ty phát triển bền vững.

### Các dự án của Công ty đang triển khai

#### A. Dự án Đầu tư Xây dựng Khu du lịch Thủy Sơn Trang:

- Địa điểm : khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, Tp. Quy Nhơn, Bình Định. Cách trung tâm thương mại thành phố Quy Nhơn 3 km về phía nam.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ Phần An Trường An
- Diện tích dự án: dự án được quy hoạch trong khu đất có tổng diện tích 7 ha
- Mục đích đầu tư: dự án đầu tư khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, ăn uống và dịch vụ vui chơi giải trí, thuộc điểm du lịch số 4, tuyến du lịch ịch vụ Quy Nhơn – Sông Cầu thành phố Quy Nhơn nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ khách du lịch trong và ngoài tỉnh có một khu du lịch nghỉ dưỡng và dịch vụ vui chơi giải trí cần thiết trong sinh hoạt của nhân dân đồng thời phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển bền vững và lâu dài mang tính chiến lược mà các cấp lãnh đạo khuyến khích đầu tư từ nhiều thành phần kinh tế trong xã hội.
- Vốn đầu tư: 120.000.000.000 đồng



Trong đó:

**Vốn đầu tư giai đoạn 1 : 81.747.853.000 đồng**

- Vốn xây lắp : 58.175.500.000 đồng
- Thiết bị : 10.828.000.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng : 1.864.730.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư : 3.040.000.000 đồng
- Chi phí khác : 455.370.552 đồng
- Dự phòng : 7.384.252.448 đồng

**Vốn đầu tư giai đoạn 2 : 38.252.147.000 đồng**

- Vốn xây lắp : 27.221.972.151 đồng
- Thiết bị : 5.066.729.370 đồng
- Chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng : 872.560.238 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư : 1.422.502.520 đồng
- Chi phí khác : 213.080.841 đồng
- Dự phòng : 3.455.301.880 đồng

- Hiệu quả kinh tế:

- NPV : 125.892.882.330 đồng
- IRR : 19.94%
- Thời gian hoàn vốn : 7 năm
- Dự kiến doanh thu, chi phí và lợi nhuận từ 2017 đến 2036:

*DVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026
Doanh thu	25.000	32.000	40.000	48.000	51.000	53.000	56.000	59.000	62.000	65.000
Chi phí	12.500	17.000	20.000	23.000	24.000	25.000	26.000	27.000	28.000	29.000
LNTT	12.500	15.000	20.000	25.000	27.000	28.000	30.000	32.000	34.000	36.000
LNST	10.000	12.000	16.000	20.000	21.600	22.400	24.000	25.600	27.200	28.800

Chỉ tiêu	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	2035	2036
Doanh thu	68.000	71.000	75.000	78.000	81.000	85.000	88.000	92.000	96.000	99.000
Chi phí	30.000	31.000	32.000	34.000	35.000	36.000	37.000	38.000	40.000	41.000
LNTT	38.000	40.000	43.000	44.000	46.000	49.000	51.000	54.000	56.000	58.000
LNST	30.400	32.000	34.400	35.200	36.800	39.200	40.800	43.200	44.800	46.400



- Hiệu quả xã hội:
  - Góp phần làm thay đổi diện mạo du lịch của cả khu ven biển Quy Nhơn – Sông Cầu và của cả tỉnh Bình Định;
  - Tạo địa điểm vui chơi lành mạnh cho giới trẻ trong tỉnh và ngoài tỉnh;
  - Giải quyết việc làm cho số đông lao động, đặc biệt là phục vụ một phần không nhỏ cho các đối tượng lao động nhân rỗi địa phương;
  - Tăng khoản thu ngân sách, góp phần gia tăng GDP của tỉnh Bình Định, gắn kết sự phát triển kinh tế của các lĩnh vực khác.
- Những thuận lợi của Dự án:
  - Trong những năm gần đây, các tạp chí du lịch quốc tế đều đánh giá và bình chọn tỉnh Bình Định là địa điểm du lịch biển độc đáo và tuyệt vời mà du khách nên đến tham quan và trải nghiệm. Cụ thể, tháng 10 năm 2015, Tạp chí du lịch Rough Guides của Anh quốc đã bình chọn Quy Nhơn là 1 trong 3 điểm du lịch mới lạ hàng đầu tại Đông Nam Á. Giữa tháng 6 năm 2016, tạp chí điện tử uy tín của Mỹ Business Insider đã bình chọn làng chài Bãi Xếp của thành phố Quy Nhơn là 1 trong 16 điểm đến hấp dẫn nhất Châu Á. Điều này cho thấy tiềm năng phát triển du lịch của tỉnh Bình Định trong thời gian sắp tới là rất to lớn.
  - Nhiều dự án du lịch và hạ tầng lớn đã và đang được xây dựng như: Quần thể resort, biệt thự, nghỉ dưỡng và giải trí cao cấp Nhơn Lý; Quần thể du lịch, lịch sử, sinh thái và tâm linh chùa Linh Phong; Quy hoạch không gian du lịch biển Quy Nhơn; Tổ hợp không gian khoa học; Khu kinh tế Nhơn Hội, đầu tư nâng cấp Ga Diêu Trì; Cảng hàng không Phù Cát....
  - Tỉnh Bình Định công bố Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn 2030. Theo đó, mục tiêu đến năm 2020, lượng khách du lịch phần đầu đạt 5.500.000 lượt, trong đó có khoảng 800.000 lượt khách quốc tế, tốc độ tăng trưởng bình quân 15%/năm; tổng doanh thu du lịch đạt 10.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 25%/năm; số cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh đạt 200 cơ sở, tổng số phòng 7.500 phòng, trong đó 35% đạt chuẩn 3-5 sao,...
  - Vị trí của Dự án có những yếu tố tự nhiên ưu đãi, có cảnh quan tự nhiên phù hợp tính chất của Dự án, có chiều dài chạy dọc theo Quốc lộ 1D gần 1km, có địa hình hấp dẫn để bố trí những đơn nguyên, nhà nghỉ độc lập yên tĩnh gần gũi với thiên nhiên, cảnh quan cây xanh được bao phủ hoa lá cỏ cây đan xen tạo nên một cuộc sống yên tĩnh và thư thái, có cảnh quan núi rừng và suối nước tạo nền tảng cho phát triển du lịch sinh thái và các dịch vụ vui chơi.
  - Đặc biệt, Khu du lịch nghỉ dưỡng Thủy Sơn Trang nằm cạnh Trung tâm Hội nghị các Nhà Khoa Học Thế Giới, Trung tâm Gặp Gỡ Việt Nam, Tổ hợp Không Gian Khoa Học Vũ Trụ - đây là Trung tâm nghiên cứu khoa học vũ trụ của các nhà khoa học hàng đầu trên thế giới, đặc biệt đây còn là nơi giao lưu,



gặp gỡ trao đổi khoa học của hàng nghìn nghiên cứu sinh trên khắp thế giới. Do đó, việc đầu tư, xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng cạnh Trung tâm Nghiên cứu Vũ Trụ là nhằm phục vụ việc ăn ở của các nhà khoa học và nghiên cứu sinh, là một nhu cầu hết sức cấp bách, thiết yếu mà Lãnh đạo UBND thành phố Quy Nhơn đặc biệt quan tâm và mong muốn Công ty sớm triển khai đầu tư dự án nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài.

- Việc đầu tư xây dựng Khu du lịch nghỉ dưỡng Thủy Sơn Trang hoàn thành và đưa vào khai thác có thể khẳng định rằng dự án sẽ mang lại hiệu quả kinh tế lớn, thời gian thu hồi vốn nhanh và gần như không có một rủi ro nào có thể xảy ra, trừ những rủi ro mang tính chất bất khả kháng.
- Cơ sở pháp lý:
  - Công văn số 487/UBND-TH ngày 24 tháng 02 năm 2011 của UBND tỉnh Bình Định v/v chấp thuận chủ trương và giới thiệu địa điểm cho phép Công ty Cổ phần An Trường An tiến hành các thủ tục đầu tư dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí tại điểm du lịch số 4, tuyến du lịch – Dịch vụ Quy Nhơn – Sông Cầu.
  - Quyết định số 8946/QĐ-CTUBND ngày 28 tháng 11 năm 2011 của UBND Thành phố Quy Nhơn v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình Điểm du lịch số 4, tuyến du lịch – Dịch vụ Quy Nhơn – Sông Cầu.
  - Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 15 tháng 04 năm 2014 v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, bảng dự toán chi phí phục vụ công tác bồi thường hỗ trợ để xây dựng công trình Đầu tư xây dựng khu du lịch điểm du lịch số 4, tuyến du lịch – Dịch vụ Quy Nhơn – Sông Cầu, phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn.
  - Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2014 v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, bảng dự toán chi phí phục vụ công tác bồi thường hỗ trợ để xây dựng công trình Đầu tư xây dựng khu du lịch điểm du lịch số 4, tuyến du lịch – Dịch vụ Quy Nhơn – Sông Cầu, phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn.
  - Biên bản xác nhận đền bù của Trung tâm phát triển Quỹ đất Thành phố Quy Nhơn ngày 10 tháng 09 năm 2015 v/v đền bù tại tuyến du lịch số 4 – Sông Cầu xác nhận Các hộ có tên trong danh sách đền bù đã tiến hành bàn giao mặt bằng bị ảnh hưởng tại dự án Khu du lịch điểm du lịch số 4, tuyến du lịch – Dịch vụ Quy Nhơn – Sông Cầu , phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn cho Chủ đầu tư với tổng diện tích đất là 65.450 m<sup>2</sup>; chiếm tỷ lệ : 93,049%. Tuy nhiên, hiện đang còn mồ mã chưa di dời cho dân không chịu cải táng tại nghĩa trang theo quy định mà yêu cầu được cải táng tại 1 địa điểm gần khu dân cư của họ, một số hộ thắc mắc việc áp dụng giá đền bù giữa đất lâm nghiệp và đất nông nghiệp. Chủ đầu tư đã có văn bản kiến nghị lên UBND tỉnh Bình Định để được giải quyết.



- Công văn số 2677/UBND-TH ngày 15 tháng 06 năm 2015 của UBND tỉnh Bình Định giao UBND Thành phố Quy Nhơn và các ngành liên quan giải quyết theo kiến nghị của Chủ đầu tư đề dự án sớm triển khai thực hiện. Đến nay, UBND thành phố và các cấp, các ngành đã giải quyết cơ bản các đòi hỏi chính đáng của nhân dân bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất theo các thông báo kết luận của UBND thành phố Quy Nhơn giải quyết các kiến nghị của các hộ dân khiếu nại. UBND thành phố Quy Nhơn chủ trì với sự tham dự đầy đủ các các hộ dân, các cấp, các ngành giải quyết dứt điểm các kiến nghị của các hộ dân tại biên bản ngày 07/4/2016. Đến nay, việc kiểm kê, áp giá để bồi thường GPMB cho dự án về cơ bản đã hoàn thành.
- Tình hình triển khai thực hiện:
  - Đã hoàn thành giải phóng, đền bù đến 93% diện tích dự án.
  - Đã ký hợp đồng xây dựng với Công ty Xây Dựng Khang Nguyên và chuyển tiền ứng trước tổng cộng 15 tỷ đồng.
  - Dự kiến Quý 2 năm 2017 sẽ hoàn thành và đưa vào khai thác kinh doanh các công trình Khách sạn và Bungalow.
- Tổng số tiền đã đầu tư và tạm ứng để thực hiện dự án:
  - Giá trị đã đầu tư: 52.386.934.906 đồng.
  - Số tiền tạm ứng thực hiện dự án: 67.460.899.907 đồng.

#### **B. Dự án khai thác quặng Titan tại KCN Sơn Mỹ 1 – Bình Thuận**

- Địa điểm : KCN Sơn Mỹ 1 – Bình Thuận
- Chủ đầu tư: CTCP An Trường An
- Diện tích thăm dò/khai thác: 157 hecta
- Tổng mức vốn đầu tư: 247.873.443.960 đồng

##### *Trong đó:*

- Trụ sở, văn phòng điều hành : 6.875.000.000 đồng
- Máy móc thiết bị dự án : 67.089.000.000 đồng
- Chi phí đền bù giải tỏa : 157.000.000.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư : 11.659.146.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 2.218.920.000 đồng
- Chi phí khác : 3.031.377.960 đồng
- Hiệu quả kinh tế:
  - NPV : 139.076.571.965 đồng
  - IRR : 29,25%



- Thời gian hoàn vốn : 6 năm
- Dự kiến doanh thu, chi phí và lợi nhuận từ năm 2017 đến 2031:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu	65.000	86.000	114.000	137.000	160.000	194.000	218.000	242.000
Chi phí	52.500	66.000	85.000	99.000	112.000	137.000	152.000	167.000
LNTT	12.500	20.000	29.000	38.000	48.000	57.000	66.000	75.000
LNST	10.000	16.000	23.200	30.400	38.400	45.600	52.800	60.000

Chỉ tiêu	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031
Doanh thu	255.000	255.000	255.000	268.000	268.000	268.000	281.000
Chi phí	182.000	182.000	182.000	197.000	197.000	197.000	212.000
LNTT	73.000	73.000	73.000	71.000	71.000	71.000	69.000
LNST	58.400	58.400	58.400	56.800	56.800	56.800	55.200

- Những thuận lợi của Dự án:
  - Trong các năm gần đây, các nhà máy titan đều tạm dừng hoạt động do chính sách thắt chặt của Chính phủ và do giá bán giảm liên tục, nên số lượng doanh nghiệp khai thác và kinh doanh khoáng sản titan đã bị cắt giảm rất nhiều so với trước đây. Tại thời điểm cuối 2014, số lượng nhà máy titan giảm gần 90%. Điều đó, giúp cho việc cạnh tranh về giá bán của các doanh nghiệp titan sẽ không còn 'khốc liệt' như trước.
  - Đối với việc xuất khẩu titan thì Trung Quốc là thị trường lớn nhất, chiếm hơn 80% tổng sản lượng xuất khẩu titan của cả nước. Ngoài ra, Mỹ, Hàn Quốc và Nhật Bản cũng là những thị trường nhập khẩu titan của Việt Nam. Trong những năm qua, khi Việt Nam tạm dừng việc khai thác và xuất khẩu khoáng sản titan thì phần lớn các nhà máy cần loại nguyên liệu này phục vụ cho sản xuất phải tìm mua từ các nước khác như Indonesia, Australia, và các nước Trung Phi,... Tuy nhiên, do chi phí vận chuyển chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá mua từ các thị trường này. Do đó, Việt Nam với lợi thế gần về địa lý nên nửa cuối 2016 phần lớn khách hàng từ Trung Quốc và một số nước khác lần lượt quay lại Việt Nam tìm kiếm và ký kết Hợp đồng để mua nguyên liệu phục vụ cho sản xuất của họ. Do đó, giá cả khoáng sản titan thô và titan tinh chế từ đầu năm 2016 đến nay đã tăng khoảng 35%.
  - Mỏ titan của Công ty nằm trong vị trí của Dự án Khu công nghiệp Sơn Mỹ 1 cũng thuộc quyền sở hữu của Công ty. Nên việc khai thác tận thu sẽ không gặp bất kỳ khó khăn nào đối với chủ đất hay những hộ dân xung quanh.
- Những rủi ro trong việc cấp phép khai thác:



- Theo chủ quan của Công ty thì việc khai thác và chế biến khoáng sản titan hoàn toàn không có rủi ro vì: titan là một loại khoáng sản không thay thế được ứng dụng nhiều trong các ngành công nghiệp quan trọng, do đó, việc tiêu thụ mặt hàng khoáng sản titan luôn luôn có thị trường, tuy giá cả có thể biến động lên xuống do thị trường mà tác động trực tiếp đến việc tăng trưởng hay suy giảm của nền kinh tế thế giới (là do sản giao dịch titan Luân Đôn quyết định).
  - Trong thời gian qua, Công ty đã xúc tiến việc thực hiện tất cả các thủ tục giấy tờ theo quy định của Luật Khoáng Sản, đã được Bộ Tài Nguyên – Môi Trường trực tiếp kiểm tra thực địa và đã có văn bản trình Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt đồng ý cho Công ty được phép khai thác mỏ titan trong Khu công nghiệp Sơn Mỹ và đã có quyết định việc nộp tiền giành quyền khai thác. Tuy nhiên, Công ty tập trung vào việc đàm phán và ký kết Hợp đồng chuyển nhượng Khu công nghiệp từ Tổng Công ty IDICO sang Công ty An Trường An. Theo đó, Công ty tập trung nguồn lực tài chính để thanh toán cho IDICO theo Hợp đồng đã ký, nhằm đảm bảo việc khai thác, tận thu khoáng sản không chỉ một mỏ được cấp phép (68 ha) mà cả diện tích khu công nghiệp 1.256,85 ha một cách lâu dài, bền vững mà không chịu áp lực về tiến độ thi công hạ tầng khu công nghiệp.
  - Vì dự án khoáng sản titan nằm chính ngay trên Khu công nghiệp cũng thuộc quyền sở hữu của Công ty An Trường An nên việc có sự thay đổi về Chủ Đầu tư dự án khoáng sản titan là gần như không thể.
- Mô tả dự án: Đây là dự án khai thác tận thu khoáng sản Titan – zircon tại Khu công nghiệp Sơn Mỹ, xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Khu vực khai thác tận thu nằm trong khu vực Quy hoạch xây dựng Trung tâm Điện lực Sơn Mỹ thuộc KCN Sơn Mỹ 1, đã được BQL các Khu công nghiệp Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 48221000053 ngày 11 tháng 05 năm 2010. Việc khai thác tận thu là đúng với quy định tại Điều 65 Luật Khoáng sản năm 2010, góp phần giúp việc xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn thiện cho KCN Sơn Mỹ 1, cũng như không làm lãng phí tài nguyên của Quốc gia.
- Cơ sở pháp lý: Điều 65 Luật khoáng sản năm 2010. Giấy chứng nhận đầu tư số 48221000054 ngày 11 tháng 05 năm 2010, Công văn số 2912/UBND-KTN của UBND tỉnh Bình Thuận trình Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Tình hình triển khai thực hiện:
- Mỏ titan Sơn Mỹ của Công ty Cổ phần An Trường An đã lập hồ sơ xin khai thác từ năm 2011, toàn bộ hồ sơ về khai thác mỏ cơ bản đã thực hiện theo qui định của Luật khoáng sản. Tuy nhiên, ngày 09/01/2012 Thủ tướng Chính phủ có chỉ thị số 02/CT-TTg về việc tạm dừng khai thác khoáng sản Titan, nên công ty dừng đầu tư khai thác. Đến ngày 30/03/2015 Thủ tướng Chính phủ có chỉ thị số 03/CT-TTg bãi bỏ chỉ thị số 02 và cho phép các doanh nghiệp được tiếp tục khai thác trở lại bình thường, nhằm đáp ứng cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.





- Dự án đã được UBND tỉnh Bình Thuận đồng ý trình lên Bộ Tài Nguyên và Môi Trường đề nghị cho phép khai thác tận thu giai đoạn 1 với diện tích là 68 ha theo Công văn số 2912/UBND-KTN.
- Công ty đã làm việc tại thực địa với Đoàn Công tác của Tổng cục Địa chất & Khoáng sản Việt Nam, Cục Kiểm soát hoạt động Khoáng sản miền Nam, Sở TN&MT Bình Thuận.
- Đến nay, giấy phép khai thác mỏ titan - zircon Sơn Mỹ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định. Hiện công ty đang chuẩn bị nộp tiền giành quyền khai thác theo qui định của Luật khoáng sản sửa đổi năm 2013. Đây là khâu cuối cùng trong công đoạn hoàn thành việc xin giấy phép khai thác.
- Công ty đã và đang tiến hành đầu tư máy móc, thiết bị, cụ thể là đã ký Hợp đồng với Công ty TNHH KS & TM My Xuân để đặt mua máy móc, thiết bị phục vụ cho việc khai thác. Đến hiện tại, Công ty đã thanh toán tạm ứng cho Công ty My Xuân số tiền là 18 tỷ đồng.
- Dự kiến trong Quý 4 năm 2016, Công ty sẽ chính thức được cấp phép khai thác titan với quy mô giai đoạn 1 là 68 ha.
- Tổng số tiền đã đầu tư và tạm ứng để thực hiện dự án:
  - Giá trị đã đầu tư: 15.000.000.000 đồng.
  - Số tiền tạm ứng thực hiện dự án: 27.850.000.000 đồng.

### C. Dự án Nhà máy May gia công Xuất khẩu

- Địa điểm : Cụm Công nghiệp Cát Nhon, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
- Chủ đầu tư: CTCP An Trường An
- Tổng mức vốn đầu tư: 67.131.489.322 đồng

*Trong đó:*

- Chi phí xây dựng : 36.165.050.000 đồng
- Chi phí thiết bị : 17.500.000.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 1.609.951.500 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 5.665.687.654 đồng
- Chi phí khác : 663.300.018 đồng
- Chi phí dự phòng : 5.527.500.150 đồng
- Hiệu quả kinh tế:
  - NPV : 183.345.984.322 đồng
  - Thời gian hoàn vốn : 4 năm
  - IRR : 53,31%





- Dự kiến doanh thu, chi phí và lợi nhuận từ 2017 đến 2031:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu	30.000	38.000	47.000	56.000	66.000	75.000	84.000	94.000
Chi phí	26.250	24.000	28.000	31.000	34.000	40.000	43.000	46.000
LNTT	3.750	14.000	19.000	25.000	32.000	35.000	41.000	48.000
LNST	3.000	11.200	15.200	20.000	25.600	28.000	32.800	38.400

Chỉ tiêu	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031
Doanh thu	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000
Chi phí	49.000	49.000	50.000	54.000	54.000	54.000	58.000
LNTT	45.000	45.000	44.000	40.000	40.000	40.000	36.000
LNST	36.000	36.000	35.200	32.000	32.000	32.000	28.800

- Những thuận lợi của Dự án:

- Nhận được sự ủng hộ của chính quyền địa phương trong việc triển khai Dự án vì Dự án sẽ giải quyết và tạo công ăn việc làm trực tiếp cho bà con tại địa phương. Chi phí nhân công giá rẻ là một lợi thế cho Dự án.
- Một lượng lớn lao động lành nghề của tỉnh nhà đang làm việc tại các tỉnh thành khác sẽ quay về làm việc cho Công ty tại Dự án này. Công ty sẽ không tốn nhiều thời gian và chi phí cho công tác đào tạo.
- Công ty đã ký các Biên bản ghi nhớ bao tiêu sản phẩm đầu ra với các Đối tác.

- Những rủi ro của Dự án:

- Hoạt động chính của Dự án là gia công cho các đơn vị nước ngoài hoặc các đơn vị xuất khẩu may mặc. Điều đó đồng nghĩa đầu ra của Công ty phụ thuộc hoàn toàn vào các Đối tác này. Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào từ các Đối tác xuất khẩu đều sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Việc đào tạo để một công nhân quen việc và thành thạo nghề phải mất nhiều thời gian và chi phí. Tuy nhiên, sự cam kết gắn bó giữa công nhân với Công ty thường không có sự đảm bảo. Bất kỳ sự biến động nào của lao động cũng đều ảnh hưởng nhất định đến tình hình hoạt động của Công ty trong ngắn hạn.

- Mô tả dự án: Dự án Nhà máy May gia công xuất khẩu phù hợp với Quyết định số 432/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020. Phù hợp với Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn và thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Phù hợp với Nghị định số 1049/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn. Phù hợp với Nghị định số 75/2011/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín



dụng xuất khẩu của Nhà nước. Phù hợp với Hệ thống quản lý C-PT AT. Qua phân tích kinh tế, các chỉ tiêu đạt yêu cầu, thị trường xác định có tiềm năng tốt, các yếu tố đầu vào bảo đảm, khả năng trả nợ tốt. Dự án có tính khả thi, có hiệu quả kinh tế và xã hội rõ rệt, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Phù Cát, đóng góp vào ngân sách địa phương hàng năm hơn 3 tỷ đồng, ngoài ra còn giải quyết lao động tại chỗ hơn 600 người, mặt khác, còn góp phần phát triển ngành công nghiệp mới tại địa phương.

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 2315/UBND-KTN về việc cho phép Tổng Công ty PISICO linh hoạt thu hút, bố trí các dự án đầu tư tại Cụm công nghiệp Cát Nhơn. Quyết định cho thuê đất số 36/CV-XNHT về việc cho Công ty CP An Trường An được thuê lô đất B1, B3 và ½ lô B4 với tổng diện tích : 48.269 m<sup>2</sup> để thực hiện dự án.
- Tình hình triển khai thực hiện:
  - Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất Khu công nghiệp để triển khai dự án.
  - Đồng thời, Công ty đã ký 04 Biên bản ghi nhớ với các Công ty Hàn Quốc về việc thoả thuận giá cả và cam kết đầu ra cho sản phẩm của Dự án.
  - Công ty dự kiến sẽ được cấp giấy phép đầu tư trong Quý 4 năm 2016 và sẽ triển khai ngay việc xây dựng nhà xưởng. Dự kiến bắt đầu phát sinh Doanh thu từ Quý 3 năm 2017

#### **D. Dự án khai thác đá tại mỏ đá Sơn Triều**

- Địa điểm : Mỏ đá Sơn Triều, xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
- Chủ đầu tư: Công ty CP An Trường An cùng hợp tác kinh doanh cùng Công ty TNHH Đá Phước An – Falcon – ITPC (Công ty TNHH Đá Phước An)
  - o Mô tả dự án : Khu mỏ là một phần thuộc sườn Đông, Đông – Bắc của dãy núi Sơn Triều có thể làm Vật liệu xây dựng. Xuất phát từ những khả năng hiện có của Công ty TNHH Đá Phước An, Công ty CP An Trường An và nhu cầu thị trường về vật liệu xây dựng thông thường. Mặt khác, lãnh đạo UBND tỉnh Bình Định, lãnh đạo các Sở, Ban ngành trong tỉnh chủ trương phát triển kinh tế địa phương, nhất là chính quyền và nhân dân xã Phước An, huyện Tuy Phước. Mỏ đá Sơn Triều đã được Công ty CP kỹ thuật Dịch vụ Tài nguyên và môi trường Bình Định tiến hành thăm dò địa chất, kết quả báo cáo thăm dò địa chất đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt theo Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 18/07/2011. Chất lượng đá đáp ứng được tiêu chuẩn làm vật liệu xây dựng thông thường. Trữ lượng địa chất cấp 121 của mỏ là 5.048.000 m<sup>3</sup> đáp ứng sản lượng khai thác mỏ trong nhiều năm tới. Việc khai thác mỏ đá núi Sơn Triều nhằm thoả mãn một phần nhu cầu đá làm vật liệu xây dựng cho khu vực và cho nền kinh tế quốc dân trên cơ sở sử dụng tối đa nguồn tài nguyên của đất nước, đồng thời tận dụng nguồn lực về vốn, thiết bị vật tư kỹ thuật, lao động hiện có của Doanh nghiệp và địa phương. Việc đầu tư này sẽ mang lại hiệu quả kinh tế



cao cho Công ty CP An Trường An, Công ty TNHH Đá Phước An và kinh tế tỉnh Bình Định.

- Tình hình triển khai thực hiện:
  - Hiện tại, Công ty TNHH Đá Phước An đã hoàn thành đến bước pháp lý cuối cùng. Đang triển khai thực hiện việc đóng tiền giành quyền khai thác để chính thức nhận Giấy phép khai thác.
  - Dự kiến Giấy phép khai thác sẽ được cấp trong Quý 4 năm 2016.
  - Công ty CP An Trường An đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Đá Phước An để thực hiện việc góp vốn vào dự án và sẽ phân chia lợi nhuận trước thuế từ Dự án theo tỷ lệ đã thoả thuận trong Hợp đồng.

**E. Dự án Khu công nghiệp Sơn Mỹ 1, Bình Thuận:**

- Địa điểm: xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ Phần An Trường An
  - o Mô tả dự án: Đây là KCN được quy hoạch cho các ngành nghề về khí, điện và các ngành công nghiệp, dịch vụ khác,... Khu công nghiệp này đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đưa vào hệ thống các khu công nghiệp Việt Nam. Trước đây, Chủ đầu tư Dự án là Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam (IDICO). Tháng 01 năm 2016, Công ty An Trường An đã ký kết Hợp đồng để nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích của Khu công nghiệp Sơn Mỹ từ IDICO. Tổng diện tích của Khu công nghiệp là 1.256,85 ha (giai đoạn 1). Đây là dự án khu công nghiệp có quy mô tương đối lớn, thuận lợi về nhiều mặt, đặc biệt khu công nghiệp nằm dọc ven biển có khí hậu và cảnh quan thiên nhiên đẹp, mát mẻ. Khu công nghiệp cách Trung tâm TPHCM 160 km về hướng Đông Bắc, cách cảng Vũng Tàu 55 km, cách cảng Cái Mép 65 km, nên khi các khu công nghiệp ở TPHCM, Đồng Nai và Bà Rịa – Vũng Tàu đã được các nhà đầu tư lấp đầy thì Khu công nghiệp Sơn Mỹ là sự lựa chọn tiếp theo của các nhà đầu tư. Đặc biệt trong những tháng gần đây, các nhà đầu tư năng lượng sạch đến từ Mỹ, Hàn Quốc và Nhật Bản quan tâm, tìm hiểu Khu công nghiệp Sơn Mỹ để đầu tư dự án năng lượng sạch, vì khu vực này có nhiệt lượng hàng năm tương đối lớn.
  - o Việc khai thác kinh doanh khu công nghiệp của Công ty có thể thực hiện sau khi hoàn thành việc tận thu khoáng sản titan hoặc có thể thực hiện song song đồng thời vừa khai thác khoáng sản titan và vừa cho thuê đất khu công nghiệp.
- Tổng mức vốn đầu tư theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư: 2.696 tỷ đồng

*Trong đó:*

- Vốn góp để thực hiện dự án : 539 tỷ đồng
- Vốn vay thương mại và huy động khác : 2.157 tỷ đồng



- Tình hình triển khai thực hiện:
  - Ngày 12/07/2016, Tổng Công ty IDICO đã có văn bản đề nghị UBND tỉnh Bình Thuận chuyển đổi Chủ đầu tư Dự án Khu công nghiệp Sơn Mỹ từ IDICO sang Công ty Cổ phần An Trường An.
  - Hiện tại, Công ty đang chờ nhận Quyết định của UBND tỉnh Bình Thuận phê duyệt việc chuyển đổi thay thế Chủ đầu tư Khu công nghiệp, đồng thời Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bình Thuận thu hồi Giấy Chứng Nhận Đầu Tư của Tổng Công ty IDICO và cấp Giấy Chứng Nhận Đầu Tư mới cho Công ty An Trường An để triển khai thực hiện dự án.
  - Công ty CP An Trường An đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng cho IDICO.
  - Dự án Khu công nghiệp Sơn Mỹ đã đền bù, giải phóng mặt bằng được 187 ha, trong đó 92 ha là đất của dân đã đền bù xong và 95 ha là đất công đã đền bù phần hoa lợi, kiến trúc và hỗ trợ tái định canh, định cư theo các quyết định của UBND tỉnh Bình Thuận. Tính đến nay, Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng và Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Hàm Tân đã kiểm kê đạt 80% tổng diện tích đất, hoa lợi và kiến trúc trên đất để áp giá tiếp tục bồi thường, giải phóng mặt bằng. Nhằm thực hiện đúng cam kết của Công ty An Trường An với UBND tỉnh Bình Thuận về việc động thổ, khởi công, đầu tư xây dựng KCN Sơn Mỹ vào nửa cuối Quý 4 năm 2016
  - Dự án đã ký Hợp đồng thuê đất với UBND tỉnh Bình Thuận với tổng diện tích là: 444.900 m<sup>2</sup>.

1/1  
D  
KH  
P  
M  
1/1



## 6.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua từng năm:

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của Công ty

ST T	Tên sản phẩm, dịch vụ	Năm 2014		Năm 2015		6 tháng/2016	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu từ cho thuê Salon Ô tô	548	31,7	136	0,23	-	-
2	Doanh thu từ dịch vụ khai thác cát	-	-	4.553	7,7	7.770	100,0
3	Doanh thu từ cho thuê Máy móc thiết bị	1.179	68,3	3.600	6,1	-	-
4	DT từ hoạt động thương mại sắt, thép	-	-	49.930	84,4	-	-
5	Doanh thu khác	-	-	923	1,57	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.727</b>	<b>100,0</b>	<b>59.142</b>	<b>100,0</b>	<b>7.770</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và BCTC Quý 2 năm 2016 của ATG

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

S T T	Tên sản phẩm, dịch vụ	Năm 2014			Năm 2015			6 tháng/2016		
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	LNG/ DT thuần (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	LNG/ DT thuần (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	LNG/ DT thuần (%)
1	LN từ hoạt động cho thuê Salon Ô tô	548	31,7	31,7	136	1,64	0,23	-	-	-
2	Lợi nhuận từ dịch vụ khai thác cát	0	-	-	4.553	54,95	7,7	7.770	100	100
3	Lợi nhuận từ hoạt động cho thuê Máy móc thiết bị	1.179	68,3	68,3	3.600	43,45	6,1	0	-	-
4	LN từ hoạt động	-	-	-	(40)	(0,48)	-	0	-	-



S T T	Tên sản phẩm, dịch vụ	Năm 2014			Năm 2015			6 tháng/2016		
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	LNG/ DT thuần (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	LNG/ DT thuần (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	LNG/ DT thuần (%)
	thương mại sắt, thép									
5	Lợi nhuận từ hoạt động khác	-	-	-	37	0,44	-			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.727</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>8.286</b>	<b>100</b>	<b>14,03</b>	<b>7.770</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và BCTC Quý 2 năm 2016 của ATG

Do giá bán sản phẩm titan trên thị trường trong nước cũng như trên thế giới liên tục giảm trong khoảng 3 – 4 năm trở lại đây, nên việc khai thác và kinh doanh khoáng sản, cụ thể là sản phẩm titan, gặp rất nhiều khó khăn và không khả thi. Càng khai thác và kinh doanh thì càng lỗ, nên Công ty quyết định tạm ngưng khai thác và kinh doanh đối với sản phẩm titan này.

Năm 2014, doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ việc cho thuê máy móc thiết bị sẵn có để tạo nguồn thu duy trì hoạt động của Công ty trong giai đoạn khó khăn. Bước sang năm 2015, tình hình hoạt động kinh doanh đã có những triển biến tốt hơn, với nguồn thu đa dạng hơn, ngoài hoạt động cho thuê máy móc thiết bị, Công ty còn cung cấp dịch vụ khai thác cát cho các khách hàng tại tỉnh nhà. Đây là hai mảng hoạt động chính mang lại lợi nhuận cho Công ty trong năm 2015:

- Hoạt động thương mại hàng hóa: Căn cứ vào Hợp đồng mua bán số 12/ATA-PC/2013 ngày 09/10/2013 ký với DNTN Phong Châu và Biên bản làm việc số 03/2014/BB ngày 30/09/2014. Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện giao hàng theo Hợp đồng và Biên bản làm việc theo đúng thỏa thuận với DNTN Phong Châu. Việc mua bán này là hoạt động thương mại, Công ty đã mua sắt thép từ Công ty Vũ Hoàng để bán lại cho DNTN Phong Châu. Nguồn doanh thu này là hoạt động thương mại xuất phát từ nhu cầu đa dạng hoá nguồn thu, không phải là nguồn doanh thu ổn định.
- Cung cấp dịch vụ khai thác cát: Căn cứ vào Hợp đồng số 02/2015/ATA-MX ngày 12/01/2015 ký với Công ty TNHH KS & TM My Xuân. Hiện tại My Xuân đang là chủ đầu tư dự án khai thác cát tại bãi bồi sông Côn, tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, do điều kiện khai thác, trình độ chuyên môn và máy móc thiết bị không đảm bảo, nên My Xuân đã ký Hợp đồng số 02/2015/ATA-MX để Công ty ATA cung cấp dịch vụ khai thác này cho My Xuân. Đây là nguồn thu ổn định, lâu dài cho Công ty ATA.



### 6.3 Nguyên vật liệu

- Nguồn nguyên vật liệu:
  - Công ty đang sở hữu một mỏ khoáng sản titan – zircon với tổng diện tích là 156 ha tại Khu công nghiệp Sơn Mỹ, xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận trong đó có 68 ha có quặng titan, Công ty đã có sự đảm bảo về trữ lượng và chất lượng của nguyên liệu đầu vào.
  - Bên cạnh đó, Công ty còn sử dụng các nguồn cung cấp năng lượng, nguồn nhiên liệu và dịch vụ để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, như: các thiết bị điện nước phục vụ khai thác, xây dựng như : dây điện, ống nhựa,...; nhiên liệu xăng, dầu, điện: chiếm tỷ trọng tương đối lớn trên tổng chi phí sản xuất của Công ty. Nguồn nhiên liệu được cung cấp chủ yếu cho các thiết bị phục vụ việc khai thác khoáng sản tại các xưởng, nhà máy, các phương tiện vận chuyển như xe tải...
- Sự ổn định của các nguồn cung cấp này:
  - Để đảm bảo cho nguyên vật liệu đầu vào ổn định về giá, đảm bảo đúng quy cách chất lượng, chủng loại và cung cấp kịp thời, Công ty đã ký kết hoạt động dài hạn với các nhà cung cấp nhằm đảm sự ổn định cho các yếu tố đầu vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - Để hạn chế rủi ro về giá thành nguyên vật liệu, Công ty có kế hoạch và biện pháp chủ động về nguồn nguyên vật liệu, cụ thể như sau:
    - Chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp mới trong nước nhằm tạo sự chủ động về nguồn nguyên vật liệu, đàm phán ký kết các hợp đồng cung ứng dài hạn;
    - Tìm kiếm các công nghệ, thiết bị hiện đại có khả năng tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu đầu vào.
- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận: là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, nguồn nguyên vật liệu đầu vào phụ thuộc rất lớn vào chính sách quản lý tài nguyên khoáng sản của Nhà nước. Bất kỳ một sự thay đổi nào về chính sách khai thác khoáng sản đều ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của công ty. Sự biến động giá cả nguyên vật liệu theo chiều hướng gia tăng trong thời gian ngắn, sẽ làm tăng chi phí của Công ty. Mặc dù, chi phí về nguyên nhiên liệu chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong chi phí tuy nhiên sự biến động về giá nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng đến chi phí đầu vào nói riêng cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.



#### 6.4 Chi phí sản xuất và tỷ lệ từng loại chi phí/doanh thu

*Bảng 6: Cơ cấu chi phí sản xuất và tỷ lệ chi phí/doanh thu*

Chi tiêu	Năm 2014		Năm 2015		06 tháng/2016	
	Giá trị (ngàn đồng)	%/DT	Giá trị (ngàn đồng)	%/DT	Giá trị (ngàn đồng)	%/DT
Doanh thu thuần	1.726.748	100	59.142.164	100	7.770.000	100
Giá vốn hàng bán	0	-	50.856.081	86,0	-	-
Chi phí tài chính	2.761.698	160	1.654.567	2,8	817.912	10,5
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý	896.514	52	450.491	0,7	894.145	11,5
<b>Tổng cộng chi phí</b>	<b>3.658.211</b>	<b>212</b>	<b>52.961.139</b>	<b>89,5</b>	<b>1.712.058</b>	<b>22,0</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ HĐKD</b>	<b>(1.931.174)</b>		<b>6.182.166</b>		<b>6.057.942</b>	

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và BCTC Quý 2 năm 2016 của ATG*

Trong năm 2014, tổng doanh thu từ các hoạt động cho thuê của Công ty đạt được con số là 1,73 tỷ đồng. Tuy nhiên, tổng chi phí trong kỳ là 3,66 tỷ đồng nên dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị âm 1,93 tỷ đồng.

Sang năm 2015, Công ty vẫn tiếp tục cho thuê máy móc thiết bị đồng thời cung cấp dịch vụ khai thác cát đã mang lại doanh thu cho hai mảng kinh doanh này là 8,29 tỷ đồng; ngoài ra, Công ty đã thanh lý toàn bộ hàng hoá là sắt thép còn tồn của các năm trước với giá trị là 49,93 tỷ đồng. Với tổng chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp cả năm là 2,11 tỷ đồng nên Công ty đã đạt Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là 6,18 tỷ đồng.

#### 6.5 Trình độ công nghệ

- Áp dụng phương pháp khai thác lộ thiên, hoàn thổ bằng bãi thải khai thác tuyến quặng tinh tổng hợp tại chỗ, cát thải lại hoàn vào khu vực đã khai thác xong. Hệ thống khai thác gồm tổng hợp các công trình đường giao thông, các mặt bằng xúc bốc và tiếp nhận sẽ phục vụ cho công tác khai thác mỏ. Hệ thống khai thác của Công ty sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng công suất khai thác khi cần thiết bằng cách lắp đặt thêm các cụm bệ khai thác trên bề mặt khai trường rộng lớn.
- Hiện nay, Công ty đang sử dụng những công nghệ và trang thiết bị trong thăm dò và sản xuất khoáng sản rất phù hợp với địa chất các điểm mỏ thuộc chủ quyền, cũng như đáp ứng những yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái. Các dây chuyền nghiền, đập, phân loại và tuyển khoáng của Công ty chủ yếu được nhập từ nước ngoài, chỉ còn một số ít thiết bị, máy móc sử dụng công nghệ trong nước.





- Trong khai thác và chế biến, Công ty luôn đảm bảo nguyên tắc không làm hại, phá hủy môi trường xung quanh, khi hoàn tất khai thác phải trả lại mặt bằng và trồng cây xanh trở lại, tuân theo quy trình khai thác đã được cơ quan chuyên ngành phê duyệt. Khâu chế biến có hệ thống hút bụi, thoát khí tốt, quy trình sản xuất của Công ty xử lý nước thải cẩn trọng nhằm hạn chế các tác hại cho môi trường. Trang bị bảo hộ cho công nhân khai thác và chế biến đầy đủ: quần áo, găng tay, giày dép, khẩu trang, nón bảo hộ.

#### **6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

- Phòng kỹ thuật không ngừng nghiên cứu, tìm tòi và đưa ra những giải pháp nhằm tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra. Một trong những giải pháp đang được nghiên cứu để nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra là việc sàng lọc chất lượng quặng đầu vào. Bên cạnh đó, Công ty rất chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ khâu khai thác quặng nguyên khai cho đến khi sản phẩm được xuất bán ra thị trường. Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008. Cải tiến liên tục và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình là cốt lõi của hệ thống quản lý, giúp mang lại hiệu quả hoạt động cao cho Công ty và giúp giảm thiểu các chi phí phát sinh không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực trong quá trình hoạt động. Đối với sản phẩm được khai thác trực tiếp tại mỏ (đá xây dựng, titan – zircon), Công ty đều có bộ phận kiểm định chất lượng trực tiếp tại mỏ, đảm bảo sản phẩm khai thác đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn để bán ra thị trường. Để đảm bảo hàng đủ chất lượng bán ra thị trường và xuất khẩu, các sản phẩm khai khoáng của Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát sau:
  - Tại mỏ có các cán bộ chuyên môn trực tiếp giám sát quá trình khai thác, sàng lọc quặng nguyên khai.
  - Nhằm đảm bảo chất lượng trước khâu cuối tạo ra sản phẩm, Công ty thuê chuyên gia có kinh nghiệm để trực tiếp xử lý khâu quan trọng nhất, quyết định chất lượng của sản phẩm là khâu tuyển nổi quặng.
  - Sau khi quặng nguyên khai được đưa vào quy trình sàng lọc tại các máy móc hiện đại, sản phẩm cuối sẽ được đo phẩm chất quặng nhằm đảm bảo chất lượng của sản phẩm.

#### **6.7 Hoạt động Marketing**

Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng rất chú trọng trong công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm một cách tốt nhất đến khách hàng. Mỗi thành viên trong công ty có nghĩa vụ quảng bá sản phẩm và thương hiệu của mình ra ngoài thị trường. Trong thời gian qua, Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing, phù hợp với chiến lược của Công ty cũng như nhu cầu thị trường. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có thương hiệu không chỉ trên địa bàn tỉnh Bình Định, Bình Thuận, Quảng Nam... mà còn được biết đến trên địa bàn cả nước cũng như các nước lân cận như Đài Loan, Trung Quốc....

**6.8 Nhân hiệu thương mại**

Hiện tại, tất cả sản phẩm của Công ty đang được gắn chung một nhân hiệu thương mại và cũng là logo của Công ty:



ATA JSC

**6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

Dưới đây là danh sách các hợp đồng mà Công ty đã ký kết hoặc đang thực hiện:

*Bảng 7: Danh sách hợp đồng lớn đã ký kết*

Tên hợp đồng	Tên đối tác	Giá trị (VNĐ)	Thời gian thực hiện
Hợp đồng kinh tế số 01/2016/ATA-MX v/v cung cấp dịch vụ khai thác cát	Công ty TNHH KS & TM My Xuân	3.019.500.000	Từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2016
Hợp đồng kinh tế v/v cung cấp dịch vụ nạo vét và san lấp mặt bằng hồ Phú Hoà	Công ty TNHH Phúc Lộc	50.000.000.000	Từ tháng 11/2015 đến tháng 12/2017
Hợp đồng cung cấp đá xuất khẩu	Đối tác Singapore	202.500.000.000	Từ tháng 06/2016 đến tháng 06/2017

*Nguồn: Công ty Cổ Phần An Trường An*

Hiện tại, Công ty An Trường An đang thực hiện triển khai các hạng mục đầu tư của Dự án Nhà máy May gia công xuất khẩu theo đúng quy định của pháp luật. Nguồn đầu ra của Dự án đã được các Công ty Hàn Quốc ký các Biên bản ghi nhớ bao tiêu đầu ra cho Dự án. Việc hạch toán Doanh thu - Lợi nhuận của Dự án hiện nay phụ thuộc vào tiến độ triển khai xây dựng Dự án. Dự kiến Dự án sẽ phát sinh Doanh thu - Lợi nhuận từ Quý 3/2017.

Bên cạnh đó, việc cung cấp dịch vụ nạo vét và san lấp mặt bằng Dự án hồ Phú Hòa, do bên đối tác là Công ty Phúc Lộc đang triển khai việc huy động vốn để thực hiện Dự án, nên hiện tại việc hạch toán Doanh thu - Lợi nhuận từ hoạt động cung cấp dịch vụ này sẽ bắt đầu ngay khi Công ty Phúc Lộc hoàn thành việc huy động vốn triển khai Dự án. Dự kiến sẽ bắt đầu triển khai trong Quý 4/2016.

Ngoài ra, tháng 6 năm 2016, Công ty đã ký kết Hợp đồng xuất khẩu với Đối tác đến từ Singapore về việc Công ty sẽ cung cấp đá xây dựng cho Đối tác này. Sản lượng cung cấp



giao kết là 1.000.000 tấn. Và thời hạn của Hợp đồng là 12 tháng. Tổng giá trị của Hợp đồng quy đổi là 202,5 tỷ đồng.

W&A H



## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

## 7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2014, 2015 và quý 2 năm 2016

- Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 8: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm	Quý 2/2016
Tổng giá trị tài sản	104.785.543.493	180.447.692.570	72,2	186.464.183.525
Vốn chủ sở hữu	13.314.392.483	157.724.093.704	1.084,6	162.570.447.428
Doanh thu thuần	1.726.747.727	59.142.163.636	3.325,1	7.770.000.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.931.174.276)	6.182.165.754	-	6.057.942.155
Lợi nhuận khác	6.512.500.000	579.960.772	(91,1)	-
Lợi nhuận trước thuế	4.581.325.724	6.762.126.526	47,6	6.057.942.155
Lợi nhuận sau thuế	4.549.061.177	5.409.701.221	18,9	4.846.353.724
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	41,2%	6,3%	(90,0)	2,98%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và BCTC Quý 2 năm 2016 của ATG

Trong năm 2015, Công ty đã hoàn thành hai đợt tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để tăng vốn điều lệ từ 13,2 tỷ đồng lên 152,2 tỷ đồng. Việc tăng vốn nhanh này sẽ dẫn đến những rủi ro trong ngắn hạn là tỷ lệ thu nhập trên mỗi cổ phiếu giảm trong trường hợp doanh thu và lợi nhuận không tăng tương ứng trong năm. Công ty huy động vốn nhằm bổ sung vốn đầu tư cho hai dự án là Dự án Khu du lịch Thủy Sơn Trang và Dự án Khai thác quặng Titan tại KCN Sơn Mỹ 1; và cả hai dự án này đều đang trong giai đoạn tiến hành đầu tư, xây dựng nên doanh thu và lợi nhuận sẽ chỉ đến trong tương lai, cụ thể là bắt đầu từ năm 2017.

Số liệu về vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm 2015 có sự tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2014 là do Công ty đã thực hiện 2 đợt tăng vốn bằng phương án phát hành cổ phiếu cho cổ



đồng hiện hữu để tăng vốn điều lệ như nêu bên trên. Đó cũng là nguyên nhân dẫn đến tổng tài sản cũng tăng hơn 72% so với năm 2014.

Trong năm 2014, Công ty có một khoản thu nhập khác với giá trị là 6,51 tỷ đồng. Đây là khoản Công ty nhận được đền bù cho chi phí tổ chức khai thác quặng thô Titan trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh được ký kết giữa Công ty và Đối tác.

Chỉ tiêu về Doanh thu và Lợi nhuận của Công ty đều có sự tăng trưởng khá cao qua các năm. Doanh thu năm 2015 tăng trưởng hơn 33 lần so với năm 2014, đạt con số là 59,14 tỷ đồng. Điều đó dẫn đến Lợi nhuận trước thuế năm 2015 so với năm 2014 đã tăng trưởng với con số thật sự ấn tượng là 47,6% và Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng là 18,9%.

Tuy nhiên, vì cuối năm 2015 giá trị vốn chủ sở hữu tăng hơn 10 lần so với đầu năm sau 02 đợt tăng vốn trong năm dẫn đến tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bị giảm 90% so với năm 2014.

## **7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo**

### **- Trong năm 2014:**

- **Khó khăn:** Do tình hình chung của khủng hoảng kinh tế, cũng như chính sách quản lý khoáng sản của Nhà nước gây không ít khó khăn cho đầu ra của sản phẩm Công ty. Đặc biệt là giá Titan xuống thấp, làm giảm sản lượng khai thác cũng như doanh thu của Công ty.
- **Thuận lợi:** Được UBND tỉnh Bình Định và tỉnh Bình Thuận cũng như là các ban ngành có liên quan đã tạo điều kiện tối đa để Công ty có thể hoàn thiện hồ sơ xin thăm dò, khai thác các mỏ khoáng sản mới như : mỏ đá tại núi Sơn Triều, mỏ titan tại KCN Sơn Mỹ 1, dự án khu du lịch Thủy Sơn Trang tại thành phố Quy Nhơn...Đặc biệt là việc UBND tỉnh Bình Định đã cấp phép đầu tư Dự án lọc dầu Nhơn Hội với quy mô vốn rất lớn (22 tỷ USD). Việc này góp phần không nhỏ thúc đẩy đầu ra cho các ngành khai khoáng vật liệu xây dựng của tỉnh Bình Định, trong đó có việc khai thác đá xây dựng...

### **- Trong năm 2015:**

- **Khó khăn:** Nhìn chung, nền kinh tế đã trải qua giai đoạn đáy. Và đối với Công ty An Trường An cũng vậy. Những khó khăn trong năm 2015 là việc giá bán titan chưa cao, chưa tạo ra nguồn doanh thu lớn như trước cho Công ty.
- **Thuận lợi:** Với đà phục hồi chung của nền kinh tế, đặc biệt là lĩnh vực sản xuất công nghiệp – dịch vụ, thì các ngành nghề chính như khai thác khoáng sản của Công ty sẽ được hưởng lợi rất nhiều. Bên cạnh đó, việc sở hữu Khu du lịch với quy mô 7 hecta, tương đối lớn tại khu vực thành phố Quy Nhơn trong xu hướng quy hoạch phát triển Quy Nhơn trở thành thành phố du lịch, cũng là một lợi thế không nhỏ trong quá trình phát triển của Công ty.



## 8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong Công ty ngành

### 8.1 Vị thế của công ty trong ngành

Với những chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư của tỉnh Bình Định và tỉnh Bình Thuận vào lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản như cát trắng, đá xây dựng, cảng biển, khu du lịch,... Công ty Cổ Phần An Trường An đang có những lợi thế đáng kể so với những doanh nghiệp cùng ngành nghề trên địa bàn tỉnh Bình Định do Công ty có một bộ máy quản trị hết sức chuyên nghiệp và hiệu quả, đi kèm với công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm khai thác lâu năm, khả năng kêu gọi vốn đầu tư cho các dự án lớn.

Nếu so sánh với những doanh nghiệp có truyền thống lâu năm về khai thác khoáng sản, bắt đầu sản xuất du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định, Công ty vẫn là một doanh nghiệp tương đối trẻ. Tuy nhiên, với chiến lược đón đầu, lấy nhân tố con người làm trọng tâm phát triển, Công ty đã không ngừng phát triển cả về quy mô vốn và năng lực khai thác, sản xuất và kinh doanh.

Với những thành tích tốt trong quá trình hoạt động, Công ty luôn được UBND, các ban ngành có liên quan của tỉnh Bình Định và tỉnh Bình Thuận tạo điều kiện tối đa cho việc cấp phép khai thác các mỏ, khu vực có giá trị kinh tế cao như đá xây dựng, khai thác titan – zircon, cụm khu công nghiệp, khu du lịch... Đây là một lợi thế đặc biệt quan trọng của Công ty trong quá trình hội nhập và phát triển.

### 8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Với các số liệu kinh tế vĩ mô cải thiện tích cực trong năm 2014 và 2015, có cơ sở để tin rằng kinh tế Việt Nam đang đi lên từ đáy khủng hoảng và tốc độ tăng trưởng GDP dần hồi phục lại mức 6 - 7%/năm.

Bên cạnh đó, với định hướng trở thành quốc gia sản xuất công nghiệp – dịch vụ ngày càng mạnh mẽ, triển vọng phát triển của ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản là vô cùng lớn. Đặc biệt là đối với những doanh nghiệp có kinh nghiệm lâu năm và công nghệ khai thác như Công ty An Trường An.

Song song đó, việc Bình Định được quy hoạch trở thành trung tâm Tài chính – Du lịch – Dịch vụ, đặc biệt là việc triển khai Dự án lọc dầu Nhơn Hội đã tạo điều kiện rất lớn cho việc phát triển khu du lịch cũng như hoạt động khai thác khoáng sản phục vụ xây dựng. Đó là các yếu tố khẳng định tiềm năng phát triển vô cùng lớn của các lĩnh vực mà Công ty đã và đang triển khai.

#### **Về titan:**

##### *Thực trạng tại Việt Nam*

- Do thuận lợi về mặt tài nguyên, công nghệ và thiết bị đơn giản và có thể tự chế tạo trong nước, vốn đầu tư không lớn, có thị trường, lợi nhuận cao cho nên khai thác, chế biến và xuất khẩu quặng titan Việt Nam đang phát triển. Ngành Titan hoạt động với giá trị xuất khẩu quặng tinh titan 20-30 triệu USD/năm, có hiệu quả kinh tế đáng kể, đặc



biệt có ý nghĩa kinh tế xã hội với nhiều địa phương suốt dọc ven biển từ Thanh Hoá đến Bình Thuận.

- Theo dự tính, tổng trữ lượng và tài nguyên titan ở Việt Nam là 650 triệu tấn khoáng vật nặng. Đây là một trữ lượng tương đối lớn nếu so với tổng trữ lượng titan đã xác định của toàn thế giới là 1.400 triệu tấn. Điều này mang lại triển vọng Việt Nam sẽ trở thành một trong những quốc gia có ngành công nghiệp khai khoáng titan phát triển. Đánh giá về sự phát triển lâu dài của việc khai thác, chế biến và xuất khẩu titan ở Việt Nam, các chuyên gia trong và ngoài nước cũng cho rằng, tài nguyên quặng sa khoáng titan ở Việt Nam đủ để xây dựng các khu công nghiệp khai thác, chế biến hiện đại, phát triển ổn định lâu dài.

*Tình hình thế giới:*

- Nhu cầu sử dụng Titan trên thế giới dự báo sẽ ngày càng tăng cao trong những năm tới. Trong khi đó, những khu mỏ đang ngày dần cạn kiệt trong khi những nhà sản xuất chính trên thế giới vẫn chưa đầu tư đủ cơ sở hạ tầng công nghệ để đáp ứng kịp nhu cầu đang gia tăng, dẫn đến tình trạng thiếu hụt Titan thô trên thế giới.
- Giá xi Titan dự kiến sẽ tiếp tục đạt tốc độ tăng cao trong những năm tới do sự thiếu hụt nguồn cung nguyên liệu Titan. Nhu cầu sử dụng Titan trên thế giới hiện đạt khoảng 6 triệu tấn/năm (trong đó 98% khối lượng Titan được dùng để sản xuất Titan bột màu) và được dự báo sẽ ngày càng tăng cao trong những năm tới. Theo dự báo của Dupont, TZMI và Iluka, tốc độ tăng trưởng nhu cầu Titan bột màu tính trung bình đến năm 2020 là 3,5%/năm. Còn theo dự báo của Hatch, nhu cầu Titan bột màu trong tương lai tăng trưởng trung bình khoảng 3%/năm, riêng đối với Trung Quốc thì tốc độ tăng trưởng trong trung hạn đạt 7,5%/năm. Trong khi đó, những khu mỏ đang ngày dần cạn kiệt trong khi những nhà sản xuất chính trên thế giới vẫn chưa đầu tư đủ cơ sở hạ tầng công nghệ để đáp ứng kịp nhu cầu đang gia tăng, dẫn đến tình trạng thiếu hụt Titan thô trên thế giới. Theo báo cáo của Stork, thị trường Titan sẽ ở trong tình trạng thiếu hụt ít nhất là trong 3 năm tới.
- Giá xi Titan cũng có tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 6% trong vòng 5 năm qua và dự kiến sẽ tiếp tục đạt tốc độ tăng cao trong những năm tới do sự thiếu hụt nguồn cung nguyên liệu Titan. Với trữ lượng Titan lớn, các sản phẩm Titan của các doanh nghiệp Việt Nam sẽ dễ dàng tiêu thụ ra thị trường thế giới và đạt được biên lợi nhuận cao.

**Về cát – đá:**

- Thị trường bất động sản đóng băng và hoạt động xây dựng sa sút trong giai đoạn 2010-2013 đã khiến ngành vật liệu xây dựng nói chung và khai thác khoáng sản phục vụ xây dựng gặp nhiều khó khăn trong các năm qua. Trong bối cảnh tiêu thụ giảm và tồn kho tăng cao, một số công ty phải hoạt động dưới điểm hòa vốn. Tuy nhiên, sự ấm dần của thị trường bất động sản và sự hồi phục của hoạt động xây dựng dân dụng cũng như xây dựng công nghiệp trong năm 2015 hứa hẹn sự cải thiện về sản lượng đầu ra và theo đó là doanh thu và lợi nhuận của các công ty cung cấp vật liệu xây dựng.
- Số liệu thống kê của Bộ xây dựng cho thấy ngành BĐS và xây dựng đã có những hồi phục tích cực. Cụ thể, giá trị sản xuất ngành xây dựng đã tăng 10,2% trong năm 2014



và tăng gần 21,5% trong năm 2015. Với sự âm thầm của thị trường BĐS và các chính sách hỗ trợ đối với ngành, nhiều dự án bất động sản như Vinhomes Central Park Tân Cảng, The Landmark, Masteri Thảo Điền, tòa R6 Vinhomes Royal City, Vinhomes Riverside, Imperia Garden,... sẽ được khởi động trong năm 2015 và 2016.

- Trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, dự kiến sẽ có 169 dự án giao thông được khởi công và hoàn thành trong năm 2015. Trong đó, nhiều dự án trọng điểm như đường cao tốc Ninh Bình – Thanh Hoá - Vũng Áng, cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận... đang được đẩy nhanh tiến độ triển khai. Bên cạnh đó, dòng vốn đầu tư FDI dồi dào và sự hồi phục của nền kinh tế nói chung cũng được kỳ vọng sẽ thúc đẩy việc xây dựng nhà xưởng và kho bãi trên cả nước. Tất cả các yếu tố trên đều có tác động tích cực đối với hoạt động xây dựng và theo đó là nhu cầu với các loại vật liệu xây dựng.

### 8.3 So sánh với các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng 9: Bảng so sánh các doanh nghiệp cùng ngành

Đơn vị: triệu đồng

Mã CK	Tên Công ty	Vốn điều lệ	Tổng tài sản	Tổng Doanh thu 2015	LNST 2015	ROE (%)	ROA (%)
ATG	CTCP An Trường An	152.200	180.448	59.142	5.410	3,43%	3,00%
BMC	CTCP Khoán sản Bình Định	123.926	237.774	123.231	12.074	6,17%	5,08%
BKC	CTCP Khoán sản Bắc Kạn	117.377	242.025	126.900	20.694	13,99%	8,55%
HGM	CTCP Cơ khí và Khoán sản Hà Giang	126.000	275.065	85.183	20.619	10,13%	7,50%
AMC	CTCP Khoán sản Á Châu	28.500	90.262	162.215	12.261	25,11%	13,58%
KSH	CTCP Đầu tư và Phát triển KSH	280.535	295.892	100.673	6.809	2,32%	2,30%
LCM	CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai	246.330	234.321	28.575	3.480	1,51%	1,49%





*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2015 của các Công ty*

**8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Các định hướng phát triển chiến lược, cũng như các dự án đầu tư phát triển trọng điểm của Công ty trong thời gian tới đều được xác định trên cơ sở quan điểm và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Chính phủ và hoàn toàn phù hợp với xu thế chung của thế giới. Định hướng của Công ty là tận dụng mô hình quản lý tiên tiến, ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực hệ thống, nhằm chuyên môn hóa lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản với mục đích xây dựng Công ty thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản tại Việt Nam.



## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1 Tình hình lao động

Công ty xác định chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến sự thành công và phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 30/06/2016, số lượng cán bộ nhân viên chính thức của Công ty là 154 người với cơ cấu như sau:

*Bảng 10: Cơ cấu lao động của Công ty*

	30/06/2016	
Tổng số lao động	154	
<b>Phân theo giới tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Nam	88	57,1
Nữ	66	42,9
<b>Phân theo trình độ chuyên môn</b>		
Đại học và trên đại học	20	13
Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp		
Lao động có tay nghề	104	67,5
Lao động phổ thông	30	19,5

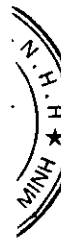
### 9.2 Chính sách đối với người lao động

- Về thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 tiếng.
- Các chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.
- Công ty luôn đặt lợi ích người lao động lên hàng đầu, con người là tài sản vô giá, là sức mạnh của ATG. Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được hưởng theo hợp đồng cố định còn được trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

CH  
IÁN  
Ồ  
NH  
CH



- Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho nhân viên trong Công ty.
- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ.
- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty
- Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao dành cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.





## 10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật, mức cổ tức hàng năm do Hội đồng Quản trị đề xuất và do Đại hội đồng Cổ đông quyết định như sau:

- Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.
- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông vào giữa năm nếu Hội đồng quản trị cho rằng khả năng lợi nhuận của Công ty có thể đáp ứng.

Tình hình chi trả cổ tức của Công ty trong các năm qua như sau:

- Năm 2014, Công ty không chi trả cổ tức.
- Năm 2015, Công ty không chi trả cổ tức.

Công ty không thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2014 và 2015 nhằm mục đích sử dụng lợi nhuận này tái đầu tư vào các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tìm kiếm cơ hội, dự án nhằm mở rộng thêm những lĩnh vực kinh doanh mới.



## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### 11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/12/2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### a. Trích khấu hao TSCĐ:

- Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

*Bảng 11: Thời gian trích khấu hao tài sản*

Tài sản	Khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	22 năm
Máy móc thiết bị	10 năm

#### b. Mức lương bình quân:

- Mức lương bình quân của Công ty trong năm 2014 và 2015 là: 8.000.000 đồng/người/tháng và 10.000.000đồng/người/tháng.
- So với các doanh nghiệp trong Công ty ngành đây là mức lương khá cạnh tranh và liên tục tăng trong những năm qua. Với tiềm lực phát triển của Công ty, chắc chắn mức thu nhập của người lao động sẽ vẫn tiếp tục được cải thiện trong những năm tới đây.

#### c. Các khoản nợ đến hạn:

- Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay nợ. Tính đến thời điểm 31/12/2015, 30/06/2016 và thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào phải trả trên 1 năm.

#### d. Các khoản phải nộp theo luật định:

- Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

**Bảng 12: Các khoản phải nộp theo luật định**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Thuế giá trị gia tăng	350.263.716	3.291.625.227	2.432.261.591
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.264.547	1.384.689.852	2.596.278.283
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
Thuế khác	205.515.925	136.460.445	136.460.445
<b>Tổng cộng</b>	<b>588.044.188</b>	<b>4.812.775.524</b>	<b>5.165.000.319</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và BCTC Quý 2 năm 2016 của ATG

**e. Trích lập các khoản theo luật định:**

- Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm, HĐQT Công ty đề xuất cho ĐHĐCĐ về việc trích lập các Quỹ từ lợi nhuận sau thuế, phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.
- Căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 17 tháng 05 năm 2016 đã được thông qua, lợi nhuận sau thuế năm 2015 được sử dụng để tái đầu tư nên Công ty không trích lập các Quỹ.

**f. Tổng dư nợ vay:****Bảng 13: Tình hình dư nợ vay**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
<b>1. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>9.877.604.166</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>5.200.000.000</b>
Ngân Hàng TMCP SHB - CN Hà Đông (*)	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
Ngân hàng Đông Á (**)	4.677.604.166	-	-
<b>2. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
Ngân Hàng TMCP SHB - CN Hà Đông (***)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và BCTC Quý 2 năm 2016 của ATG



(\*) Theo hợp đồng tín dụng số 272/2014/HỆTDNH-PN/SHB.112000 ngày 02/12/2014, thời hạn vay 1 năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất theo từng lần nhận nợ, đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của dự án xây dựng điểm du lịch số 4 tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu, quyền sử dụng nhà ở và đất của bên thứ ba.

(\*\*) Là các khoản vay ngắn hạn, có thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất từ 12,75%/năm đến 14,75%/năm. Đảm bảo bằng toàn bộ tài sản của Công ty và nhiều tài sản của bên thứ ba.

(\*\*\*) Theo hợp đồng tín dụng số 271/2014/HỆTDTDH-PN/SHB.112000 ngày 02/12/2014, thời hạn vay 8 năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất theo từng lần giải ngân, đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của dự án xây dựng điểm du lịch số 4 tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu, quyền sử dụng nhà ở và đất của bên thứ ba.

**g. Tình hình công nợ:**

**Các khoản phải thu**

*Bảng 14: Các khoản phải thu*

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Phải thu khách hàng	24,227,508,000	12.760.175.500	21.307.175.500
Trả trước cho người bán	2,679,152,760	273.000.000	15.273.000.000
Các khoản phải thu khác	730,742,720	129.241.639.907	95.641.639.907
<b>Tổng cộng</b>	<b>27,637,403,480</b>	<b>142.274.815.407</b>	<b>132.221.815.407</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và BCTC Quý 2 năm 2016 của ATG*

Các khoản phải thu của Công ty đã tăng từ 27,6 tỷ đồng năm 2014 lên 142,3 tỷ đồng trong năm 2015, trong đó các khoản phải thu khác tăng gần 129 tỷ đồng. Đây là số tiền mà Công ty huy động được trong năm 2015 qua các đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu và được sử dụng cho việc đầu tư xây dựng khu du lịch Thủy Sơn Trang và dự án khai thác quặng titan tại KCN Sơn Mỹ 1, tỉnh Bình Thuận, chi tiết tại ngày 31/12/2015 như sau:

- Tạm ứng thực hiện dự án Thủy Sơn Trang: 83,06 tỷ đồng.
- Tạm ứng thực hiện dự án Titan Sơn Mỹ: 45,85 tỷ đồng.

Trong Quý 1/2016, Công ty đã thanh toán ứng trước cho nhà cung cấp để mua máy móc thiết bị phục vụ cho công tác khai thác titan với giá trị là 18 tỷ đồng, và thanh toán ứng trước tiền xây dựng Dự án Thủy Sơn Trang cho đơn vị xây dựng là 15 tỷ đồng đồng thời hoàn lại tạm ứng 0,6 tỷ đồng bằng tiền mặt nên các khoản tạm ứng của các dự án còn lại tại ngày 30/06/2016 như sau:

- Tạm ứng thực hiện dự án Thủy Sơn Trang: 67,46 tỷ đồng.
- Tạm ứng thực hiện dự án Titan Sơn Mỹ: 27,85 tỷ đồng.



## Các khoản phải trả

Bảng 15: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>85.471.151.010</b>	<b>16.723.598.866</b>	<b>17.893.736.097</b>
Vay và nợ ngắn hạn	9.877.604.166	5.200.000.000	5.200.000.000
Phải trả người bán	875.605.460	124.389.200	124.389.200
Người mua trả tiền trước	62.762.849.300	5.690.399.300	5.690.399.300
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	588.044.188	4.812.775.524	5.165.000.319
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11.367.047.896	896.034.842	1.713.947.278
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
Vay và nợ dài hạn	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Tổng cộng nợ phải trả</b>	<b>91.471.151.010</b>	<b>22.723.598.866</b>	<b>23.893.736.097</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và BCTC Quý 2 năm 2016 của ATG





## 11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
Chi tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,98	8,60
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	0,37	8,54
Chi tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	87,29	12,59
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	687,01	14,41
Chi tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	-	1,92
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,02	0,41
Chi tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	263,45	9,15%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	41,21	6,33%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,77	3,79
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	111,84	10,45

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 của ATG

**12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

Danh sách thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Trương Đình Xuân	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	2.457.279	16,15%
2	Đào Minh Tùng	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	588.031	3,86%
3	Trần Thị Mai Xuân	Thành viên HĐQT	2.353.121	15,46%
4	Trương Thanh Sương	Thành viên HĐQT	-	-
5	Trương Văn Nhất	Thành viên HĐQT	-	-
<b>Ban kiểm soát</b>				
1	Lê Đình Kính	Trưởng ban	-	-
2	Huỳnh Thanh Phương	Thành viên	-	-
3	Ngô Thanh Trúc	Thành viên	-	-
<b>Ban Tổng giám đốc</b>				
1	Trương Đình Xuân	Tổng giám đốc	2.457.279	16,15%
2	Đào Minh Tùng	Phó Tổng giám đốc	588.031	3,86%
<b>Kế toán trưởng</b>				
1	Phan Thị Cẩm Tú	Kế toán trưởng	-	-



Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

**12.1 Hội đồng quản trị**

**Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Trương Đình Xuân**

Họ và tên:	Trương Đình Xuân
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	10/9/1952
Nơi sinh:	Hoài Thanh, Hoài Nhơn, Bình Định
Số CMND	211542631 cấp ngày 08/6/2010 tại: Công an Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hoài Thanh, Hoài Nhơn, Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Số nhà 04 đường Đào Duy Từ, phường Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	056.3812606; 0915.266.688; 0916.033.233
Trình độ văn hóa:	Đại học
Trình độ chuyên môn:	Đại học Kinh tế Thương Mại
Quá trình công tác	
+ Từ 1969 đến 1971:	Đội quân báo chim cá Quân khu 5
+ Từ 1972 đến 1975:	Cán bộ ban tài mậu tỉnh Gia lai
+ Từ 1990 đến 2003:	Tổng giám đốc Công ty SX - XNK - TTCN Miền Trung
+ Từ 2005 đến nay:	Tổng Giám đốc Công ty An Trường An
Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch HĐQT; Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ tại ngày 07/05/2016:	+ Cá nhân sở hữu: 2.457.279 chiếm 16,15%
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của công ty	+ Trần Thị Mai Xuân – vợ: 2.353.121 chiếm 15,46% + Trương Ngọc Thanh – con: 882.546 chiếm 5,80% + Trương Thị Thảo Nguyên – con: 294.515 chiếm 1,94% + Trương Thị Ái Trúc – con: 176.908 chiếm 1,16%

**Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: Đào Minh Tùng**

Họ và tên:	Đào Minh Tùng
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	05/10/1973
Nơi sinh:	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định
Số CMND	211475381 Cấp ngày: 06/9/2002 tại Công an Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Phòng A9-03 Tòa nhà Chung cư HAGL, phường Hải Cảng, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	056.3812606; 0935.034.679
Trình độ văn hóa:	Đại học
Trình độ chuyên môn:	Đại học Đông Đô – Ngành Công nghệ thông tin
<b>Quá trình công tác</b>	
+ Từ 2000 đến 2004:	Trưởng phòng Tin học; Phó PKD Cty SX-XNK-TTCN Miền Trung
+ Từ 2005 đến 2007:	Giám đốc Cty TNHH Tin học Viễn Đông
+ Từ 2007 đến nay:	Phó giám đốc Cty Cổ phần An Trường An
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Chủ tịch HĐQT; Phó Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ tại ngày 07/05/2016:	+ Cá nhân sở hữu: 588.031 CP chiếm 3,86%
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
<i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của công ty</i>	+ Trương Thị Thảo Nguyên – vợ: 294.515 chiếm 1,94%



## Phó Chủ tịch HĐQT : Trần Thị Mai Xuân

Họ và tên:	Trần Thị Mai Xuân
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	10/8/1958
Nơi sinh:	Hoài Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định
Số CMND	211542630 Cấp ngày: 26/12/2002 tại Công an Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hoài Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Số 04 Đào Duy Từ, P. Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	056.3812606; 0916.300.033
Trình độ văn hóa:	Trung cấp
Trình độ chuyên môn:	Trung cấp Thương Mại
Quá trình công tác	
+ Từ 2010 đến nay:	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP An Trường An
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP An Trường An
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ tại ngày 07/05/2016:	+ Cá nhân sở hữu: 2.353.121 CP chiếm 15,46%
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
<i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của công ty</i>	+ Trương Đình Xuân – chồng: 2.457.279 chiếm 16,15% + Trương Ngọc Thanh – con: 882.546 chiếm 5,80% + Trương Thị Thảo Nguyên – con: 294.515 chiếm 1,94% + Trương Thị Ái Trúc – con: 176.908 chiếm 1,16%

**Thành viên HĐQT : Trương Thanh Sương**

Họ và tên:	Trương Thanh Sương
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	1966
Nơi sinh:	Bình Định
Số CMND	211604970 ngày 7/10/2008 tại CA.Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hoài Nhơn, Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	056.3812606
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Quản lý dự án
Quá trình công tác	
+ Từ 2010 đến 2012:	Phó phòng KD Công ty An Trường An
+ Từ 2012 đến 2016:	Quản lý dự án Công ty An Trường An
+ Từ tháng 7/2016 đến nay:	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty An Trường An
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ tại ngày 07/05/2016:	0 cổ phiếu
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
<i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của công ty</i>	

**Thành viên HĐQT : Trương Văn Nhất**

Họ và tên:	Trương Văn Nhất
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/10/1986
Nơi sinh:	Bình Định
Số CMND	215027449 Cấp ngày: 4/3/2004 tại Công an Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	056.3812606
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học
Quá trình công tác	
+ Từ 2011 đến 2016:	Phó giám đốc Công ty My Xuân
+ Từ tháng 7/2016 đến nay:	Thành viên HĐQT Công ty CP An Trường An
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ tại ngày 07/05/2016:	0 cổ phiếu
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
<i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của công ty</i>	



## 12.2 Ban kiểm soát

Trưởng BKS: Lê Đình Kính

Họ và tên:	Lê Đình Kính
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	1957
Nơi sinh:	Phước An, Tuy Phước, Bình Định
Số CMND	211545006 Cấp ngày: 19/6/2009 Tại: CA Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Phước An, Tuy Phước, Bình Định
Địa chỉ thường trú:	03 Phan Đình Phùng, tp Quy Nhơn, Bình Định
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	056.3812606; 0905260551
Trình độ văn hóa:	Đại học
Trình độ chuyên môn:	Đại học kinh tế (Kế toán)
Quá trình công tác	
+ Từ 1977 đến 1980	Đi Bộ đội
+ Từ 1980 đến 1985	Học đại học tại Hà Nội
+ Từ 1985 đến nay	Công tác tại Công ty Bảo Minh và Công ty Cổ Phần An Trường An
Chức vụ công tác hiện nay:	Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP An Trường An
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	
Số CP nắm giữ tại ngày 07/05/2016:	+ Cá nhân sở hữu: 0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của công ty	Không có



**Thành viên BKS: Huỳnh Thanh Phương**

Họ và tên:	<b>Huỳnh Thanh Phương</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	1979
Nơi sinh:	Thôn Tăng Long, xã Tam Quang Nam, huyện Hoài Nhơn, Bình Định
Số CMND	215016530 Cấp ngày:17/6/2015 Tại: CA Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tam Quang Nam, Hoài Nhơn, Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Thôn Tăng Long, xã Tam Quang Nam, huyện Hoài Nhơn, Bình Định
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	056.3812606
Trình độ văn hóa:	Đại học
Trình độ chuyên môn:	Đại học
Quá trình công tác	
+ Từ 1999 đến 2005:	Công tác tại Công ty Sản xuất – XNK TTCN Miền Trung
+ Từ 2006 đến nay:	Công tác tại Công ty Cổ Phần An Trường An
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Ban Kiểm Soát CTCP An Trường An
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ tại ngày 07/05/2016:	+ Cá nhân sở hữu: 0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
<i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của công ty</i>	<i>Không có</i>

**Thành viên BKS: Ngô Thanh Trúc**

Họ và tên:	<b>Ngô Thanh Trúc</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	22/11/1978
Nơi sinh:	Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, Bình Định
Số CMND	211697083
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, Bình Định
Địa chỉ thường trú:	670 Hùng Vương, P. Nhơn Bình, Tp. Quy Nhơn
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	056.3812606
Trình độ văn hóa:	Đại học
Trình độ chuyên môn:	Đại học
<b>Quá trình công tác</b>	
+ Từ 2010 đến 2011:	Làm việc tại Salon Ô tô của Công ty An Trường An
+ Từ 2013 đến nay:	Làm việc tại Khu du lịch Thủy Sơn Trang
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Ban Kiểm Soát CTCP An Trường An
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ tại ngày 07/05/2016:	+ Cá nhân sở hữu: 0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
<i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của công ty</i>	+ Trương Thị Ái Trúc – vợ: 176.908 chiếm 1,16%

**12.3 Ban Tổng Giám đốc**

Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng giám đốc xem tại sơ yếu lý lịch của HĐQT:

- Ông Trương Đình Xuân: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Ông Đào Minh Tùng: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

**12.4 Kế toán trưởng**

Họ và tên:	Phan Thị Cẩm Tú
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	02/01/1982
Nơi sinh:	Quy Nhơn
Số CMND	211787522 Cấp ngày:24/11/2014 Tại: Công an Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Nhơn Phong, An Nhơn, Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Tổ 10, KV2, Phường Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	056.3812606 ; 0905.902.445
Trình độ văn hóa:	Đại học
Trình độ chuyên môn:	Đại học kế toán
Quá trình công tác	
+ Từ 2005 đến 2010:	Công tác tại Công ty sữa Vinamilk Bình Định
+ Từ 2011 đến nay:	Công tác tại Công ty Cổ Phần An Trường An
Chức vụ công tác hiện nay:	Kế toán trưởng Công ty CP An Trường An
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ tại ngày 07/05/2016:	+ Cá nhân sở hữu: 0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của công ty	Không có



## 13. Tài sản

Bảng 17: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>A. Tài sản cố định hữu hình</b>		<b>4.005.171.397</b>	<b>1.833.496.410</b>	<b>2.171.674.987</b>
1	Nhà cửa	2.971.000.000	1.143.700.158	1.827.299.842
2	Máy móc thiết bị	1.034.171.397	689.796.252	344.375.145
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	-	-
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	-	-	-
<b>B. Tài sản cố định vô hình</b>		-	-	-
1	Quyền sử dụng đất	-	-	-
2	Phần mềm vi tính	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>4.005.171.397</b>	<b>1.833.496.410</b>	<b>2.171.674.987</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 Công ty Cổ Phần An Trường An

Bảng 18: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 30/06/2016

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>A. Tài sản cố định hữu hình</b>		<b>20.368.807.761</b>	<b>2.361.641.847</b>	<b>18.007.165.914</b>
1	Nhà cửa	3.070.211.397	1.296.731.398	1.773.479.999
2	Máy móc thiết bị	16.463.636.364	495.406.699	15.968.229.665
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	-	-
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	834.960.000	569.503.750	265.456.250
<b>B. Tài sản cố định vô hình</b>		-	-	-
1	Quyền sử dụng đất	-	-	-
2	Phần mềm vi tính	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>20.368.807.761</b>	<b>2.361.641.847</b>	<b>18.007.165.914</b>

Nguồn: BCTC Quý 2 năm 2016 Công ty Cổ Phần An Trường An

**14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo**

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua tại ngày 17/05/2016 như sau:

*Bảng 19: Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty cho giai đoạn 2016-2017*

Chỉ tiêu	2016 (tr.đồng)	% tăng giảm so với 2015	2017 (tr.đồng)	% tăng giảm so với 2016
Vốn điều lệ	152.200	-	250.000	64,3%
Doanh thu thuần	150.000	195%	226.250	50,8%
Lợi nhuận sau thuế	16.000	195%	36.400	127,5%
LNST/DT thuần	10,7%	16,6%	16,1%	50,5%
LNST/VCSH	10,5%	206,55	14,6%	39,0%
Cổ tức	5%		10%	

*Nguồn: Công ty Cổ Phần An Trường An*

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi.

**Chiến lược phát triển:**

- Xây dựng và phát triển ngày càng vững mạnh để trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực khai thác và kinh doanh khoáng sản tại Việt Nam nhằm tận dụng các lợi thế về việc sở hữu khối lượng mỏ lớn, mạnh về tài chính, nhà xưởng, máy móc thiết bị khai khoáng và nguồn nhân lực hiện có.
- Đầu tư và mở rộng thêm các dự án, tăng năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao thương hiệu của Công ty.
- Lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo cho sự phát triển bền vững, lấy thi công khai thác mỏ áp dụng công nghệ hiện đại với mô hình quản lý tiên tiến làm chủ đạo cho sự phát triển sản xuất kinh doanh.
- Nắm bắt cơ hội đa dạng hoá ngành nghề tạo sự phát triển bền vững cho doanh thu và lợi nhuận.



**Doanh thu - Lợi nhuận dự kiến từ các Dự án của Công ty như sau:**

**Bảng 20: Doanh thu - Lợi nhuận dự kiến từ các Dự án**

Đơn vị tính: triệu đồng

**Năm 2016:**

Dự án	Chỉ tiêu			
	Doanh thu	Chi phí	LNTT	LNST
DA khai thác nạo vét cát tại hồ Phú Hòa	10.000	8.750	1.250	1.000
Thương mại hàng hoá	140.000	121.250	18.750	15.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>150.000</b>	<b>130.000</b>	<b>20.000</b>	<b>16.000</b>

**Năm 2017:**

Dự án	Chỉ tiêu			
	Doanh thu	Chi phí	LNTT	LNST
DA khai thác Titan tại KCN Sơn Mỹ	65.000	52.500	12.500	10.000
Dự án may gia công xuất khẩu	30.000	26.250	3.750	3.000
Dự án KDL Thủy Sơn Trang	25.000	12.500	12.500	10.000
DA khai thác nạo vét cát tại hồ Phú Hòa	40.000	35.000	5.000	4.000
Thương mại hàng hoá	62.500	54.500	8.000	6.400
Dự án mỏ đá Sơn Triều	3.750	-	3.750	3.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>226.250</b>	<b>180.750</b>	<b>45.500</b>	<b>36.400</b>

**Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên:**

**Đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh:**

- Trong những năm tới, Công ty sẽ tăng cường đầu tư nghiên cứu, chế biến sâu các sản phẩm từ nguyên liệu khoáng sản đã qua chế biến cơ bản nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm làm ra.



- Đưa vào khai thác các mỏ khoáng sản mới được cấp phép, tận dụng tối đa năng lực sản xuất của máy móc thiết bị và hiệu quả sử dụng lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra, thỏa mãn yêu cầu khách hàng, đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Tích cực tạo lập quỹ đất để phát triển bất động sản du lịch tại khu vực tỉnh Bình Định, Bình Thuận và các tỉnh ven biển lân cận tại khu vực.
- Thực hiện chiến lược kinh doanh liên hoàn, liên kết chặt chẽ các sản phẩm và dịch vụ của Công ty, tạo ra lợi ích lớn nhất cho Công ty và Cổ đông.
- Tăng cường công tác quảng cáo và tiếp thị, quảng bá hình ảnh Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng, thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng và quan hệ với nhà đầu tư.
- Tăng cường, củng cố mối quan hệ thân thiện, đáng tin cậy đến tất cả đối tác, khách hàng hiện hữu. Xây dựng niềm tin với khách hàng tiềm năng.
- Tiếp tục hoàn thiện các chương trình tăng cường quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, giữ gìn tốt phương tiện, máy móc thiết bị và chỉ đạo thực hiện tốt các quy trình quy phạm trong bảo quản, vận hành sản xuất, đảm bảo an toàn về hàng hóa, phương tiện, con người và môi trường. Hợp lý hóa các khâu sản xuất, thiết lập các định mức, biên độ sản xuất hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ.
- Duy trì hiệu quả khai thác, hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn lao động, cũng như quan tâm đúng mức về yếu tố bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, giảm chất thải công nghiệp...

#### **Quảng bá thương hiệu:**

- Thường xuyên củng cố, giữ vững và tăng thêm giá trị thương hiệu, củng cố lòng tin của khách hàng đối với thương hiệu Công ty Cổ Phần An Trường An trên mọi lĩnh vực hoạt động.
- Phân công cán bộ chuyên trách về xây dựng, củng cố, quảng cáo, kiểm tra đôn đốc công tác phát triển thương hiệu của công ty.

#### **Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức:**

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

#### **Nâng cao chất lượng sản phẩm:**

- Tiến tới áp dụng công cụ quản lý nội bộ trong toàn hệ thống một cách linh hoạt và lựa chọn thời điểm thích hợp.
- Phân tích và thiết lập quy trình cho các hoạt động một cách chặt chẽ để chuẩn hoá và tối ưu hoá hoạt động.



- Thiết lập hệ thống thông tin đa chiều và các hồ sơ theo dõi để khắc phục các thiếu sót của hệ thống quản lý.

#### **Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt số lượng và chất lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.
- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của CBNV, thực hiện tốt các chính sách, chế độ đối với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.
- Về đào tạo: Tổ chức đào tạo từ bên ngoài, bồi dưỡng, tự đào tạo, luân chuyển, đánh giá kết quả đào tạo; định kỳ đánh giá kết quả đào tạo, tự đào tạo.
- Thu hút thêm nhân sự có năng lực từ bên ngoài.

#### **Cơ sở của từng dự án để đạt được kế hoạch nêu trên:**

##### **a. Đối với Dự án khai thác nạo vét cát tại hồ Phú Hoà:**

- Công ty đã ký kết Hợp đồng kinh tế cung cấp dịch vụ nạo vét và san lấp mặt bằng hồ Phú Hoà với Công ty TNHH Phúc Lộc với giá trị 50 tỷ đồng và sẽ triển khai dịch vụ cho đối tác từ Quý 4 năm 2016 với giá trị doanh thu dự kiến giai đoạn này là 10 tỷ đồng và sang năm 2017 là 40 tỷ đồng còn lại.
- Với tiêu chí thận trọng trong việc đưa ra kế hoạch, Công ty ước tính tỷ lệ chi phí đầu vào định mức cho lĩnh vực khai thác, nạo vét và san lấp là khoảng 87,5% trên Doanh thu.

##### **b. Đối với Dự án khai thác titan tại KCN Sơn Mỹ 1 – Bình Thuận:**

- Tình hình khai thác khoáng sản có nhiều dấu hiệu tích cực trở lại sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 30/03/2015 bãi bỏ Chỉ thị 02/CT-TTg về việc cho phép khai thác khoáng sản trở lại.
- Nhu cầu về khoáng sản titan vẫn đang rất lớn, hiện tại nguồn cung chưa cung cấp đủ nhu cầu trên thị trường.
- Đơn giá bán Titan tại khu vực tỉnh Bình Thuận là 3 triệu đồng/tấn titan thô là hoàn toàn phù hợp với thực tế hiện tại.
- Dự kiến Dự án sẽ được cấp phép trong Quý 4 năm 2016 và chính thức đi vào hoạt động trong Quý 2 năm 2017. Do đó, Doanh thu sẽ bắt đầu phát sinh từ năm 2017 là hoàn toàn có cơ sở.
- Công suất dự kiến khai thác trong năm 2017 đặt ở mức thận trọng chỉ 30% công suất tối đa. Hoàn toàn phù hợp với thực tế hiện tại.





**c. Đối với Dự án may gia công xuất khẩu:**

- Việt Nam đang trên tiến trình gia nhập Hiệp định Đối tác Kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP), trong đó, dệt may là ngành được hưởng lợi nhiều nhất.
- Công ty đã làm việc và ký kết được 04 Biên bản nguyên tắc với các đối tác Hàn Quốc. Điều này giúp cho sản phẩm của Công ty sản xuất ra sẽ được bao tiêu.
- Đơn giá gia công sản phẩm bình quân là 12.500 đồng/sản phẩm theo các Biên bản nguyên tắc đã ký, hoàn toàn có cơ sở để đạt được Doanh thu đã đề ra.
- Năm 2017, công suất sản xuất đặt ở mức chi tiêu rất thận trọng là 30% công suất tối đa. Hoàn toàn phù hợp với tiến độ thực hiện Dự án theo kế hoạch.

**d. Đối với Dự án khu du lịch Thủy Sơn Trang:**

- Tình hình thực tế du lịch tỉnh Bình Định đang tăng trưởng hơn 20%/năm.
- Nguồn cung khách sạn tại khu vực thành phố Quy Nhơn đang không đủ nhu cầu của khách du lịch ngày càng tăng.
- Đơn giá cho thuê phòng bình quân là 50 đôla Mỹ/đêm, hoàn toàn phù hợp với các khách sạn cùng tiêu chuẩn hiện tại ở thành phố Quy Nhơn.
- Dự kiến dự án sẽ hoàn thành và đưa vào khai thác từ Quý 2 năm 2017 với công suất dự kiến là 50% - hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

**e. Đối với mảng Thương mại hàng hoá:**

- Mảng Thương mại hàng hoá là mảng kinh doanh xuất khẩu đá. Công ty đã ký kết Hợp đồng cung cấp đá với Đối tác Singapore trong tháng 06 năm 2016. Dự kiến sẽ giao hàng bắt đầu từ tháng 09 năm 2016.
- Sản lượng giao hàng bình quân là 172.840 tấn/tháng. Giá bán theo Hợp đồng là 9 đôla Mỹ/tấn. Chi phí mua đá đầu vào (phục vụ thương mại) sẽ dao động từ 170.000 - 180.000 đồng/tấn. Do đó, trong năm 2016, doanh thu và lợi nhuận dự kiến đạt lần lượt là 140 tỷ đồng và 15 tỷ đồng là phù hợp.
- Sang năm 2017, Công ty sẽ giao hàng cho phần còn lại của đơn hàng 1 triệu tấn cho Đối tác, tức khoảng 310.000 tấn. Tổng doanh thu của sản lượng này là 62,5 tỷ đồng và lợi nhuận dự kiến sẽ là 6,4 tỷ đồng.
- Trong trường hợp nhu cầu của Đối tác vẫn còn, Công ty có thể ký tiếp các Phụ lục để gia tăng sản lượng bán hàng trong năm 2017. Khi đó, doanh thu và lợi nhuận từ mảng thương mại của năm 2017 có thể sẽ tăng thêm.

**f. Đối với Dự án hợp tác khai thác mỏ đá Sơn Triều:**

- Dự kiến Công ty Phước An sẽ được cấp giấy phép khai thác vào Quý 4 năm 2016 và sẽ triển khai khai thác mỏ đá này chậm nhất vào Quý 2 năm 2017.



- Hiện tại, chỉ tiêu công suất khai thác của Dự án đang đặt ở mức thận trọng là 50% so với công suất tối đa dự kiến là 625.000 - 700.000 m<sup>3</sup>/năm.
- Giá bán đá xây dựng bình quân khu vực tỉnh Bình Định khoảng 200.000 đồng/m<sup>3</sup>. Chi phí định mức ở khoảng 70% / Doanh thu.
- Công ty ATA sẽ được chia theo tỷ lệ 20% / LNTT của Dự án. Do đó, mức lợi nhuận được chia đặt ra ở mức 3,75 tỷ đồng là thận trọng và có cơ sở.



**15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.**

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín đã thu thập những thông tin, tiến hành nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ Phần An Trường An cũng như lĩnh vực mà Công ty đang hoạt động.

Với uy tín trên thương trường của Công ty, với hệ thống khách hàng hiện hữu, với đội ngũ nhân sự bán hàng và quản lý có năng lực và được đào tạo bài bản, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ đi vào ổn định và phát triển trong thời gian sắp tới.

Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là phù hợp và khả thi, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn dựa trên cơ sở nghiên cứu những thông tin thu thập có chọn lọc về chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng như về triển vọng phát triển của nền kinh tế, ngành và của Công ty. Những đánh giá trên đây không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo cho nhà đầu tư. Nhà đầu tư cần tự mình phân tích và đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp với mục đích, chiến lược đầu tư của mình.

**16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có

**17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có

**V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT****1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông

**2. Mệnh giá**

10.000 đồng/cổ phiếu

**3. Tổng số chứng khoán niêm yết****15.220.000 cổ phiếu** (Mười lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn cổ phiếu)**4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật**

Căn cứ quy định tại Điều 53 Mục 1 Nghị định 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 07 năm 2012: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

Theo đó, số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty Cổ Phần An Trường An là 5.398.431 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 35,47% vốn điều lệ. Chi tiết như sau:

*Bảng 21: Danh sách cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng*

Stt	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Trương Đình Xuân	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	2.457.279	16,15
2	Trần Thị Mai Xuân	Phó Chủ tịch HĐQT	2.353.121	15,46
3	Đào Minh Tùng	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	588.031	3,86
	<b>Tổng cộng</b>		<b>5.398.431</b>	<b>35,47</b>

Nguồn: Công ty Cổ Phần An Trường An

**5. Giá niêm yết dự kiến**

Mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần An Trường An là 11.000 đồng/cổ phiếu.

**6. Phương pháp tính giá**

Giá cổ phiếu của Công ty Cổ Phần An Trường An được tính dựa trên phương pháp giá trị sổ sách và phương pháp so sánh (P/E và P/B).

**Phương pháp giá trị sổ sách**

Giá trị sổ sách của Công ty Cổ Phần An Trường An tại thời điểm 31/12/2015 được tính như sau:

$$\begin{array}{rcccl} & \text{Vốn CSH – Tài sản vô} & & & \\ & \text{hình} & 157.724.093.704 - 0 & & \\ \text{Giá trị sổ sách} & & & & 10.363 \\ \text{(31/12/2015)} & = \frac{\text{-----}}{\text{Số lượng cp bình quân}} & = \frac{\text{-----}}{15.220.000} & = & \text{VNĐ/CP} \end{array}$$

**Phương pháp so sánh P/E và P/B**

Số liệu P/E và P/B bình quân được xác định căn cứ vào số liệu P/E và P/B tại thời điểm 31/12/2015 của một số công ty hoạt động trong nhóm ngành Công nghiệp (hàng hoá chủ chốt) đã niêm yết trên SGDCK Hà Nội và SGDCK TPHCM.

**Bảng 22: Bảng so sánh chỉ số PE, PB**

STT	Công ty	Số GDCK	Mã CK	P/E	P/B
1	CTCP TIE	HOSE	TIE	8,62	0,39
2	CTCP Đầu tư và Thương mại DIC	HOSE	DIC	9,18	0,60
3	CTCP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn	HNX	DPS	9,35	0,92
4	CTCP Kim Khí Miền Trung	HNX	KMT	23,86	0,66
5	CTCP Tư vấn Thiết kế và Phát triển Đô thị	HOSE	CDO	14,04	2,18
<b>Trung bình</b>				<b>13,01</b>	<b>0,95</b>

Nguồn: SBS tổng hợp

Phương pháp so sánh P/E

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty được tính bằng công thức:

$$P = EPS * P/E_{bq}$$

Trong đó:

**P:** Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

**EPS:** Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu

**P/E:** được tính toán dựa trên tổng hợp P/E cơ bản của một số công ty công ty khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản đã niêm yết trên SGDCK Hà Nội và SGDCK TPHCM theo nguồn trên thị trường chứng khoán và có nhiều sự tương đồng nhất với Công ty Cổ Phần An Trường An.

(A)	LNST dự kiến 2016 của Công ty ATG:	16.000.000.000	Đồng
(B)	Số lượng cổ phần đang lưu hành:	15.220.000	Cổ phần
(C) = (A)/(B)	EPS dự kiến 2016 của Công ty ATG:	1.051	Đồng
(D)	P/E trung bình của ngành:	13,01	Lần
(E) = (C) x (D)	Giá trị mỗi cổ phiếu theo pp so sánh P/E:	13.677	Đồng

Phương pháp so sánh P/B

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty tính bằng công thức:

$$P = BV * P/B$$

Trong đó:

**P:** Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/B)

**BV:** Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu

**P/B:** được tính toán dựa trên tổng hợp P/B cơ bản của một số công ty công ty khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản đã niêm yết trên SGDCK Hà Nội và SGDCK TPHCM theo nguồn trên thị trường chứng khoán và có nhiều sự tương đồng nhất với Công ty Cổ Phần An Trường An.

(A)	Vốn CSH của Công ty ATG tại 31/12/2015:	157.724.093.704	Đồng
(B)	Số lượng cổ phần đang lưu hành:	15.220.000	Cổ phần
(C) = (A)/(B)	Giá trị sổ sách mỗi cp của Công ty ATG:	10.363	Đồng
(D)	P/B trung bình của ngành:	0,95	Lần



(E) = (C) x (D)	Giá trị mỗi cổ phiếu theo pp so sánh P/B:	9,838	Đồng
--------------------	---	-------	------

Trên cơ sở thận trọng, giá cổ phiếu của Công ty Cổ Phần An Trường An được xác định bằng cách chiết khấu 10% kết quả định giá theo các phương pháp so sánh P/E & P/B trên, khi đó giá trị cổ phiếu của CTCP An Trường An được xác định như sau:

*Bảng 23: Bảng tính giá cổ phiếu*

	Chiết khấu	Tỷ trọng phân bổ	Giá trị (VNĐ)
Giá trị cp theo PP giá trị sổ sách	0%	30%	3.420
Giá trị cp theo PP so sánh P/E	10%	40%	4.185
Giá trị cp theo PP so sánh P/B	10%	30%	2.922
<b>Giá trị mỗi cổ phần CTCP An Trường An</b>			<b>10.527</b>

Như vậy, căn cứ theo kết quả tính như trên, Công ty quyết định mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần An Trường An là 11.000 đồng/ cổ phiếu.

#### 7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Sau khi cổ phiếu của Công ty Cổ phần An Trường An được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, trong đó có quy định về tỷ lệ sở hữu của nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại ngày 07/05/2016, tỷ lệ sở hữu của nước ngoài tại Công ty Cổ Phần An Trường An là 0%.

#### 8. Các loại thuế có liên quan

Công ty đang chịu các loại thuế theo luật định như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế môn bài.... Các cổ đông sẽ chia sẻ các loại thuế này khi nắm giữ cổ phiếu Công ty, ngoài ra cổ đông còn chịu thêm thuế thu nhập cá nhân khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu.

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:** Theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp thì bắt đầu từ năm 2015, Công ty áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế của Công ty.



**Thuế giá trị gia tăng:** áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**Các loại thuế khác:** Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.





## VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

### 1. Tổ chức tư vấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN  
(SACOMBANK-SBS)**

**Địa chỉ:** 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

**Điện thoại:** (08) 62686868 – **Fax:** (08) 62555957

**Website:** [www.sbsc.com.vn](http://www.sbsc.com.vn)

### 2. Tổ chức kiểm toán

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN MIỀN  
NAM (AASCs)**

**Địa chỉ:** 29 Võ Thị Sáu, P.Dakao, Q.1, TPHCM

**Điện thoại:** (08) 38205944 – **Fax:** (08) 38205942

**Website:** [www.aasc.com.vn](http://www.aasc.com.vn)



## VII. PHỤ LỤC

**Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

**Phụ lục II:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết

**Phụ lục III:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, 2015; Báo cáo tài chính Quý 1/2016

**Các Phụ lục, tài liệu liên quan khác đến hồ sơ đăng ký niêm yết**



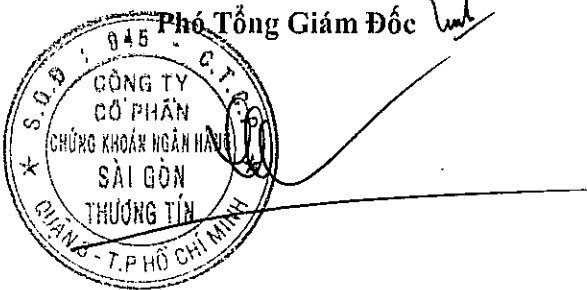
Bình Định, ngày 05 tháng 8 năm 2016

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

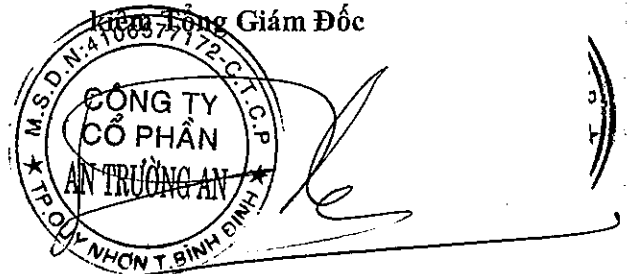
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG  
KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN  
THƯƠNG TÍN

CÔNG TY CỔ PHẦN  
AN TRƯỜNG AN



*Trần Minh Trung*

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị  
*anh* Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG ĐÌNH XUÂN

Trưởng Ban Kiểm Soát



LÊ ĐÌNH KÍNH

Kế Toán Trưởng



PHAN THỊ CẨM TÚ